

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI HẢI LƯỢNG

**LỄ HỘI LÀNG VỌNG NGUYỆT TRONG ĐỜI SỐNG
NGƯỜI DÂN XÃ TAM GIANG, HUYỆN YÊN PHONG,
TỈNH BẮC NINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

HÀ NỘI, 2016

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

BÙI HẢI LƯỢNG

**LỄ HỘI LÀNG VỌNG NGUYỆT TRONG ĐỜI SỐNG
NGƯỜI DÂN XÃ TAM GIANG, HUYỆN YÊN PHONG,
TỈNH BẮC NINH**

Chuyên ngành: VĂN HÓA HỌC
Mã số : 60310640

LUẬN VĂN THẠC SĨ VĂN HÓA HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
G.S. TS. LÊ HỒNG LÝ

HÀ NỘI, 2016

LỜI CẢM ƠN

Sinh ra và lớn lên trên mảnh đất Yên Phong giàu truyền thống văn hóa, nơi đây có hàng chục lễ hội lớn nhỏ diễn ra trong năm. Với mong muốn tìm hiểu văn hóa dân tộc đặc biệt là những sinh hoạt văn hóa gắn gũi với đời sống thường ngày đó là những lễ hội dân gian truyền thống, vì thế tôi đã chọn đề tài: “Lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống người dân xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh” làm luận văn tốt nghiệp cao học chuyên ngành văn hóa học của mình.

Trong quá trình viết luận văn tôi đã nhận được rất nhiều sự hướng dẫn giúp đỡ của nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân. Tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các thầy, cô giáo Học viện Khoa học Xã hội đã trao cho tôi những kiến thức quý báu về chuyên ngành văn hóa học và một số lĩnh vực trong suốt hai năm học vừa qua.

Chân thành cảm ơn GS.TS. Lê Hồng Lý người luôn hết mình về học trò, về văn hóa Việt Nam đã quan tâm định hướng và giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn của mình theo đúng yêu cầu của Học viện.

Đây là một bước khởi đầu cho công tác nghiên cứu khoa học của tôi vì vậy cũng không thể tránh khỏi thiếu sót và hạn chế. Rất mong nhận được những lời góp ý nhận xét của các thầy cô cùng đồng đạo quý độc giả quan tâm đến Lễ hội làng Vọng Nguyệt.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Bùi Hải Lượng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu và sưu tầm của riêng tôi. Các dữ liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực. Những đóng góp khoa học mới được đề cập trong luận văn chưa từng được ai công bố trong công trình khoa học nào.

Hà Nội ngày 29/07/2016

Tác giả luận văn

Bùi Hải Lượng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ

Nxb

Nhà xuất bản

Tr

Trang

UBND

Ủy ban nhân dân

VH,TT&DL

Văn hóa thể thao và du lịch

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	8
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	8
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	9
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.....	9
7. Cơ cấu của luận văn	9
Chương 1: <u>MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN LÀNG VỌNG NGUYỆT</u>	11
1.1. Một số vấn đề cơ sở lý luận.....	11
1.2. Tổng quan chung về làng Vọng Nguyệt	17
Chương 2: <u>LỄ HỘI LÀNG VỌNG NGUYỆT NĂM 2016</u>	30
2.1. Công tác chuẩn bị lễ hội	30
2.2. Diễn biến lễ hội	34
Chương 3: <u>LỄ HỘI VỌNG NGUYỆT TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG.</u> ..	47
3.1. Những ảnh hưởng của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng	47
3.2. Giá trị văn hóa của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng ..	49
3.3. Những vấn đề đặt ra từ lễ hội Vọng Nguyệt hiện nay	56
3.4. Một số giải pháp cho sự phát triển của lễ hội Vọng Nguyệt hiện nay....	60
KẾT LUẬN	66
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	68

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam là một dân tộc đã có hàng ngàn năm lịch sử. Cũng giống như nhiều quốc gia khác trên thế giới Việt Nam có một nền văn hóa mang bản sắc rất riêng. Chính những nét riêng đó đã làm nên những cốt cách và bản sắc của dân tộc Việt Nam. Trong kho tàng văn hóa của dân tộc Việt Nam, sinh hoạt lễ hội là một loại hình văn hóa đặc trưng. Lễ hội là sinh hoạt văn hóa dân gian có mặt ở hầu khắp các làng quê Việt Nam. Trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay khi mà khoảng cách giữa các quốc gia dần dần bị thu hẹp thì bên cạnh những thuận lợi trong việc giao lưu và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại cũng đặt ra cho nền văn hóa Việt Nam rất nhiều thách thức.

Việc nghiên cứu và tìm hiểu các giá trị của lễ hội dân gian truyền thống có một ý nghĩa hết sức đặc biệt trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời đại ngày nay khi yếu tố thương mại hóa len lỏi ở khắp các lĩnh vực của đời sống của chúng ta.

Bắc Ninh được coi là cái nôi của lễ hội, quê hương của sinh hoạt văn hoá dân gian đặc sắc và phát triển tới đỉnh cao. Hầu như làng nào cũng có lễ hội, trong đó có nhiều lễ hội tiêu biểu cả vùng, cả nước như hội xem hoa mẫu đơn chùa Phật Tích, hội rước pháo Đồng Kỵ, hội đèn Lý Bát Đế, đèn Bà Chúa Kho, hội Chùa Dâu, chùa Bút Tháp... và một trong những lễ hội độc đáo của vùng đất Bắc Ninh cũng cần phải kể đến đó là lễ hội làng Vọng Nguyệt. Đây là một lễ hội lớn, độc đáo của người dân làng Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. Nhắc tới Bắc Ninh, không thể không nhắc tới làng Vọng Nguyệt nằm ở bên bờ Nam sông Cầu, là vùng quê có phong cảnh thơ mộng trữ tình với một quần thể di tích đình, đền, chùa đẹp nổi tiếng đất Kinh Bắc xưa. Từ bao đời nay nơi đây vẫn có nghề trồng dâu nuôi tằm gắn bó với cuộc sống và tình yêu lao động của mỗi một người dân.

Làng Vọng Nguyệt (xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) xưa có tên là làng Ngột Nhi. Người họ Chu đến đây khai cơ lập nghiệp đầu tiên. Sau khi ông tổ họ Chu mất, mộ ông được đặt ở đồng Đông Tranh, nhìn xuống một cái ao bán nguyệt. Do vậy, làng được đặt tên tự là Vọng Nguyệt. Vọng Nguyệt nghĩa là trông trăng, đẹp và thơ mộng đến kỳ ảo. Bốn năm một lần, từ ngày 11 đến 13 tháng hai âm lịch, dù dân làng Vọng Nguyệt đi làm ăn xa xứ, hay con cháu Vọng Nguyệt đi học khắp bốn phương, cũng dành chút thời gian về tụ họp ở hội làng truyền thống. Đây là thông lệ từ ngàn đời nay của ngôi làng nên thơ, trữ tình này. Trong ngày hội, có rất nhiều tập được phân chia nhiệm vụ để rước lễ vật.

Mỗi nhóm gồm các em thiếu niên, nhi đồng, các cụ ông, cụ bà, nam nữ thanh niên sẽ có nhiệm vụ rước từng lễ vật khác nhau như, ngựa ông, ngựa bà, lợn, kiệu... Đoàn rước đi từ đình làng ra chùa và đi qua các ngõ lớn trong làng. Hội làng Vọng Nguyệt luôn để lại dấu ấn tốt đẹp trong lòng những người dân làng và khách thập phương, khiến ai đã từng đến dự hội một lần sẽ còn muốn quay lại vào năm sau. Đây là một nét đẹp truyền thống của làng Vọng Nguyệt vẫn luôn được gìn giữ và bảo tồn, xứng danh một vùng quê văn hiến Kinh Bắc.

Làng Vọng Nguyệt (xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) là một trong những làng Việt cổ với những di sản văn hóa vật thể có giá trị về lịch sử và văn hóa như chùa Khai Nghiêm, đình Vọng Nguyệt, đền Vọng Nguyệt... và đặc biệt là lễ hội làng Vọng Nguyệt, một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa của người dân nơi đây. Với mong muốn tìm hiểu sâu sắc hơn về lễ hội dân gian truyền thống, về giá trị, vị trí và vai trò của nó trong xã hội đương đại tôi đã chọn đề tài: "***Lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống người dân xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh***" hiện nay làm luận văn thạc sĩ của mình.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Các công trình nghiên cứu chung về lễ hội

2.1.1. Trước năm 1945

Lịch sử nghiên cứu lễ hội đầu tiên cần phải kể đến là các ghi chép lịch sử có liên quan đến nó. Cho nên, nếu không có các tư liệu ghi chép của các tài liệu lưu trữ hay những người đi trước thì những người nghiên cứu sau này dù có tài giỏi đến đâu cũng không hình dung ra được những gì đã diễn ra trong quá khứ của mỗi dân tộc. Do vậy công lao đóng góp đầu tiên phải kể đến những tư liệu sử và những người đã có công sưu tầm, ghi chép nó. Những tài liệu chính sử tin cậy nhất là các bộ sử của các triều đại phong kiến ghi chép lại các sự kiện diễn ra đối với các triều đại mà chúng ta còn thấy được đến nay như : Việt sử lược, Đại việt sử ký toàn thư, Đại Nam nhất thống chí...cùng các bộ sử khác.

2.1.2. Thời kỳ 1945-1954

Thời kỳ này xuất hiện các tác phẩm như : Việt nam phong tục của Phan Kế Bính ; Nếp cũ- hội hè đình đám của Toan Ánh;Việt Nam văn hóa sử cương của Đào Duy Anh... bên cạnh đó còn có các bài viết giới thiệu các phong tục của làng như : Đất lễ quê thói ; nếp cũ làng xóm Việt Nam... Đây là các công trình viết về các làng Việt ở châu thổ sông Hồng, là tiền đề quan trọng cho việc nghiên cứu có hệ thống văn hóa Việt Nam sau này. Tiếp sau đó là tác phẩm :Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam và các bài viết của Nguyễn Văn Huyền đã đưa ra một cách nhìn nhận lịch sử về văn hóa Việt Nam.

Có thể nói giá trị lớn nhất của thời kỳ này đó là vấn đề thu nhập tư liệu cho tất cả các ngành khoa học ở Việt Nam, đặc biệt là khoa học xã hội. Bởi vì, lúc này xã hội Việt Nam vẫn còn giữ được giá trị gần như nguyên vẹn

nững nét văn hóa như nó vốn có của người phong kiến mà chưa có sự tác động nhiều của văn hóa Tây phương. Cho nên những tư liệu mà các nhà nghiên cứu được tiếp xúc là những tư liệu sống động với đầy đủ nhất hơi thở cuộc sống mà nó sinh ra. Chính điều đó tạo nên giá trị quý giá của nó về sự cổ kính và nguyên gốc, điều mà sau này chúng ta không bao giờ được thấy khi sau đó văn hóa phương Tây lan tràn vào nước ta. Tất nhiên, sự du nhập văn hóa phương Tây lại tạo ra những nét văn hóa khác cho đất nước, nhưng ở góc độ tìm hiểu nguyên gốc của các giá trị văn hóa của người Việt thì tài liệu thu thập được thời kỳ người Pháp mới đặt chân đến Việt Nam là những tài liệu vô cùng quý giá.

2.1.3. Thời kỳ 1954-1988

Đây là thời kỳ đất nước ta giành được chính quyền và đưa nhân dân miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giành độc lập thống nhất miền Nam. Các tác phẩm viết về văn hóa và lễ hội thời kỳ này phải kể đến: Xã thôn Việt Nam của Nguyễn Hồng Phong năm 1959 là những nghiên cứu có giá trị về làng quê của người Việt ở đồng bằng Bắc Bộ. Ngoài ra cũng phải kể đến các bài viết được đăng rải rác trên hai tạp chí Dân tộc học và Văn hóa nghệ thuật, cũng như một số tờ báo, tạp chí khác từ năm 1975 đến những năm 1980 có rất nhiều bài viết về lễ hội như: "Trò trám của Dương Văn Thâm; Hội chèo vùng Gối" của Nguyễn Hữu Thu; Đặc biệt là loạt bài của nhà Dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết năm 1984: "Nghiên cứu về hội làng Việt Nam: Vị trí lịch sử của hội làng" và "Nghiên cứu hội làng ở Việt Nam: Các loại hình hội làng trước Cách mạng", sau đó là Hội làng Trung du và GS. Trần Quốc Vượng với "Hội hè dân gian với làng quê đổi mới". Đến năm 1984 là công trình của tác giả Thu Linh và Đặng Văn Lung: Lễ hội truyền thống và hiện đại. Các tác phẩm nói trên phần nào đã đề cập đến lịch trình tổ chức, và sự hình thành lễ hội dân gian nói chung.

2.1.4. Thời kỳ từ 1988 đến nay

Đây là thời kỳ sau đổi mới và các vấn đề được nhìn nhận một cách tổng quát hơn. Lúc này đất nước đã thống nhất nền kinh tế của nước ta có nhiều thay đổi, đó là sự hội nhập mở cửa giao lưu kinh tế quốc tế. Chính vì thế mà những biến chuyển trong đời sống kinh tế nông thôn đã trở thành một đề tài hấp dẫn đối với các nhà nghiên cứu khoa học xã hội, dẫn đến sự ra đời của một số công trình tiêu biểu như : *Hội hè Việt Nam* (Trương Thìn chủ biên 1990) tác giả đã định nghĩa lễ hội "hội và lễ hội là sinh hoạt văn hóa lâu đời của dân tộc Việt Nam chúng ta. Hội và lễ hội có sức hấp dẫn lôi cuốn các tầng lớp trong xã hội để trở thành một nhu cầu, một khát vọng của nhân dân trong nhiều thế kỷ". Đây không phải là cuốn sách chuyên khảo về lễ hội song nó cũng đã ít nhiều giới thiệu đến công chúng về xuất xứ của lễ hội và các trò chơi dân gian trong hội. Trong cuốn *Lễ hội cổ truyền* (Lê Trung Vũ chủ biên, 1992) tác giả không có ý định đi sâu vào các mối quan hệ giữa lễ và hội, sự phân biệt giữa các khái niệm lễ hội và hội làng mà trình bày bức tranh chung nhất về lễ hội của người Việt ở Bắc Bộ.

Ngoài ra, trong thập kỷ cuối của thế kỷ XX, cùng với phong trào phục hưng lễ hội diễn ra khắp nơi trên cả nước là phong trào sưu tầm, nghiên cứu về lễ hội sôi nổi trong khắp giới nghiên cứu về lễ hội nói riêng và văn hóa tín ngưỡng nói chung ở các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học, các sở ban ngành liên quan và ở cả khắp các địa phương. Chính vì vậy, số lượng sách và các bài hội thảo, bài tạp chí, bài báo nhiều đến mức khó có nhà nghiên cứu về lễ hội nào có thể bao quát hết được. Đáng chú ý là giai đoạn này xuất hiện nhiều công trình về lễ hội với tính chất là tập hợp, giới thiệu về nhiều lễ hội, về kho tàng lễ hội trong cả nước hoặc một vùng địa lý rộng lớn như : *Từ điển lễ hội Việt Nam* (403 lễ hội được giới thiệu), *Lịch lễ hội* (378 lễ hội được giới thiệu), *60 lễ hội truyền thống Việt Nam*, *Lễ hội Hải Hưng* (25 lễ hội được giới

thiệu), *Huế, lễ hội dân gian* (49 lễ hội được giới thiệu),... Thông qua các công trình này, người đọc nhận thấy rõ sự phong phú, đa dạng của lễ hội Việt Nam và đây là nguồn tài liệu quý giá cho những nghiên cứu về lễ hội nói riêng và văn hóa nói chung. Cũng do sự nở rộ cũng như mối quan tâm ngày càng gia tăng của xã hội đối với lễ hội mà thời kỳ này có khá nhiều các nhà khoa học chọn lễ hội là đối tượng nghiên cứu cho các luận án, hàng loạt các luận án với đề tài lễ hội được bảo vệ đã đóng góp nhiều cho viện nghiên cứu về lễ hội (cả phương diện nội dung những vấn đề nghiên cứu cũng như đội ngũ nghiên cứu), có thể kể tới những luận án đã được bảo vệ như: *Lễ hội cổ truyền nội dung lịch sử và phương pháp khai thác sử liệu* (Nguyễn Quang Lê, 1995), *Mối quan hệ giữa truyền thuyết người Việt và hội lễ về các anh hùng* (Lê Văn Thu Nguyệt, 1996), *Lễ hội- một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng* (Hồ Hoàng Hoa, 1998), *Lễ hội dân gian người Việt ở Nam Bộ(khía cạnh giao tiếp văn hóa dân tộc)* của Huỳnh Quốc Thắng, 1999,...hầu hết các luận án này đều được xuất bản thành sách sau đó.

Bước sang thế kỷ XXI, lễ hội dân gian dường như đi qua thời kỳ "phục hưng" hay " bùng phát" (như cách nói của nhiều người dành cho lễ hội thời kỳ những năm 80, 90 của thế kỷ XX) mà ổn định dần và trở thành một bộ phận gắn bó mật thiết với cuộc sống của người dân, một thành tố không thể thiếu trong bức tranh văn hóa Việt Nam. Chính vì vậy, lễ hội dân gian vẫn luôn là chủ đề nghiên cứu hấp dẫn nhiều thế hệ các nhà nghiên cứu, cả trong và ngoài nước, cả trung ương và địa phương, cả đội ngũ chuyên nghiệp và không chuyên, và đặc biệt hấp dẫn đối với những học viên, nghiên cứu sinh đang làm luận văn, luận án. Công việc mà tất cả các đội ngũ này quan tâm vẫn chủ yếu được thể hiện trên 2 phương diện: sưu tầm, biên soạn và nghiên cứu.

Về công tác sưu tầm, biên soạn thì thời điểm này đã không còn sôi nổi như ở các giai đoạn trước, song ở các địa phương công việc này vẫn được

thực hiện một cách nghiêm túc, say mê và đưa đến nhiều đóng góp trong việc phác thảo nên diện mạo lễ hội các vùng miền của cả nước cũng như khẳng định chắc chắn thêm sự phong phú, đa dạng của kho tàng lễ hội nước nhà, đó là các công trình : *Lễ hội truyền thống ở Thái Bình, Lễ tục- lễ hội truyền thống xứ Thanh, Lễ hội Bắc Giang, Lễ hội Bắc Ninh, Lễ hội cổ truyền Nam Định, lễ hội truyền thống vùng đất Tô, Lễ hội dân gian Lạng Sơn, Lễ hội dân gian của ngư dân Bà Rịa- Vũng Tàu, Hội làng Hà Nội,...* và công trình miêu thuật đồ sộ hơn cả là *Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam* với 212 lễ hội được miêu thuật. Đáng chú ý là các công trình sưu tầm, biên soạn lễ hội thời kỳ này đã có những sự nhận diện, đánh giá, nghiên cứu về lễ hội bên cạnh việc miêu thuật các lễ hội, người đọc, qua đó càng có được những cái nhìn sâu hơn về lễ hội ở khắp nơi trên cả nước.

Tiếp tục thời kỳ trước, hiện nay lễ hội vẫn luôn là chủ đề hấp dẫn cho các luận văn, luận án. Từ năm 2000 đến nay đã có rất nhiều luận án được bảo vệ thành công : *Về biểu tượng trong lễ hội dân gian truyền thống (qua khảo sát lễ hội dân gian truyền thống vùng châu thổ Bắc Bộ nước ta)* Nguyễn Văn Hậu, bảo vệ tại Viện Văn hóa nghệ thuật Việt Nam, 2003), *Lễ hội cầu nước-trần thủy ở Hà Nội và phụ cận* (Nguyễn Việt Hương, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu văn hóa, 2006), *Quản lý lễ hội truyền thống của người Việt* (Bùi Hoài Sơn, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ Thuật, 2008), *Trò diễn trong lễ hội văn hóa dân gian vùng châu thổ Bắc Bộ* (Đặng Hoài Thu, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu văn hóa, 2008), *Tín ngưỡng phồn thực trong lễ hội dân gian của người Việt ở châu thổ Bắc Bộ* (Vũ Anh Tú, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu văn hóa Nghệ thuật, 2009), *Lễ hội cổ truyền Hưng Yên- sự biến đổi hiện nay* (Hoàng Mạnh Thắng, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật, 2009), *Lễ hội của người Việt đồng bằng sông Cửu Long, truyền thống và phát triển* (Nguyễn Xuân Hồng, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật,

2010), Lễ hội cổ truyền cư dân ven biển Hải Phòng và sự biến đổi trong giai đoạn hiện nay (Lê Thanh Tùng, bảo vệ tại Viện Nghiên cứu Văn hóa Nghệ thuật,2012),...Các luận án này đã góp phần đáng kể vào việc nghiên cứu chuyên biệt về lễ hội, đồng thời các luận án cũng đã có những ghi nhận, đánh giá, bàn luận cập nhật về tình hình lễ hội hiện nay.

2.2. Các công trình nghiên cứu, bài viết liên quan đến lễ hội làng Vọng Nguyệt.

Trước hết phải kể đến cuốn *Địa chí Hà Bắc(1982)*, Ty văn hóa thông tin-Thư viện tỉnh, 1982 ; *Truyền thống vùng đất, văn hóa, con người Yên Phong*, Nxb Thanh Niên Hà Nội, 2000 và các bài viết của các học giả như : PGS.TS Phan Khanh "*Về lễ hội ở các di tích chiến thắng Như Nguyệt*" ; *Lễ hội của người Việt ở Hà Bắc*, Nguyễn Văn An "*Đình Vọng Nguyệt và tục giáo pháo bình thơ*" ; Chu Văn Quý "*Chu Vọng Nguyệt*" và rất nhiều bài viết liên quan của nhiều học giả ... các công trình trên đã ít nhiều đề cập tới lễ hội làng Vọng Nguyệt nhưng cho đến nay chưa có một công trình cụ thể nào nghiên cứu về lễ hội làng Vọng Nguyệt và giá trị văn hóa trong xã hội đương đại. Tất cả những tư liệu và công trình nghiên cứu của những người đi trước là những kiến thức vô cùng giá trị cho những thế hệ nghiên cứu sau này như nghiên cứu của chúng tôi.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Tìm hiểu đánh giá vị trí và vai trò của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống xã hội hiện nay đồng thời chỉ ra một số vấn đề còn tồn tại trong lễ hội nhằm đưa ra một số giải pháp cho sự phát triển của lễ hội làng Vọng Nguyệt hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu chính của luận văn là lễ hội làng Vọng Nguyệt và các yếu tố văn hóa liên quan đến lễ hội của làng Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh.

Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu này sẽ được thực hiện trong không gian địa lý hành chính và không gian văn hóa, những di tích lịch sử và các thần tích tín ngưỡng của làng Vọng Nguyệt và một số địa phương xung quanh.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận sử dụng trong nghiên cứu khoa học này là triết học. Triết học Mác – Lênin là phương pháp luận đáp ứng những đòi hỏi của nhận thức khoa học ngày nay và trong các nghiên cứu khoa học nói chung.

Luận văn sử dụng các phương pháp chính sau đây:

Điều dã dân tộc học tại địa bàn nghiên cứu với hai phương pháp cơ bản là quan sát tham dự và phỏng vấn sâu để thu thập các tư liệu thực tế về quá trình diễn ra lễ hội xưa và nay.

Phân tích, tổng hợp, so sánh được thực hiện trong và sau quá trình điền dã nhằm phát hiện ra những vấn đề nổi bật đặt ra từ lễ hội ở làng Vọng Nguyệt.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Tìm hiểu diễn biến của lễ hội làng Vọng Nguyệt hiện nay từ đó chỉ ra một số biến đổi của lễ hội dân gian này trong xã hội đương đại. Mặt khác, thử xem xét vai trò của nó đối với đời sống kinh tế, văn hóa của người dân làng Vọng Nguyệt như thế nào hiện nay. Từ đó để thấy được việc cần thiết phải bảo tồn và phát huy nó trong đời sống đương đại.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn gồm ba chương :

Chương 1 : Một số vấn đề lý luận và tổng quan về làng Vọng Nguyệt

Chương 2 : Lễ hội làng Vọng Nguyệt năm 2016

Chương 3 : Lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ TỔNG QUAN LÀNG VỌNG NGUYỆT

1.1. Một số vấn đề cơ sở lý luận

1.1.1. Khái niệm đời sống Văn hóa

Đời sống văn hóa là một cụm từ mới được sử dụng rộng rãi ở nước ta vào những năm 80, 90 của thế kỷ XX. Năm 1987 cuốn Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam đã luận giải : *"Đời sống văn hóa chính là những hành vi sống biểu hiện một trình độ văn hóa, bao gồm các hoạt động của xã hội, của tập thể, của từng cá nhân nhằm mục đích văn hóa tức là hoàn thiện con người"*.

Năm 2000 cuốn Giáo trình lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng đưa ra khái niệm : *"Đời sống văn hóa là bộ phận của đời sống xã hội, bao gồm các yếu tố văn hóa tĩnh tại (các sản phẩm văn hóa vật thể, các thiết chế văn hóa) cũng như các yếu tố văn hóa động thái (con người và các dạng hoạt động văn hóa)"*.

Năm 2007 cuốn *"Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng"* có đưa ra khái niệm như sau: *"Đời sống văn hóa là một bộ phận của đời sống xã hội, bao gồm tổng thể những yếu tố hoạt động văn hóa vật chất và tinh thần, những tác động lẫn nhau trong đời sống xã hội để tạo ra những quan hệ có văn hóa trong cộng đồng, trực tiếp hình thành nhân cách và lối sống của con người"* [15, tr. 18]. Con người sinh ra và trưởng thành muốn cho đời sống cá nhân được phong phú thì con người đó tất yếu phải có quan hệ đến:

Đời sống vật chất: đảm bảo yếu tố cho người đó được sinh tồn

Đời sống tinh thần: nhằm thỏa mãn nhu cầu về ý thức, tình cảm, lý trí nghị lực tư tưởng của người đó.

Đời sống xã hội: xã hội hình thành nhân cách con người. Mỗi người chúng ta đều muốn khẳng định vai trò, vị trí, phẩm chất năng lực của mình trong đời sống cộng đồng.

Theo học giả Đào Duy Anh có đưa ra quan niệm: "*Văn hóa bao gồm hết cả các phương diện của sinh hoạt nên ta có thể nói rằng văn hóa tức là sinh hoạt*" [1, tr. 8]. Đời sống văn hóa có thể được hiểu là những sinh hoạt của con người tác động vào đời sống vật chất, đời sống tinh thần, đời sống xã hội để hướng con người vươn lên theo quy luật của cái đúng, cái tốt, cái đẹp cái chuẩn mực theo tiêu chuẩn chân, thiện, mỹ, đào thải những biểu hiện tiêu cực tha hóa con người. Đời sống văn hóa là quá trình diễn ra sự trao đổi thông qua các hoạt động sinh hoạt văn hóa nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Đó là quá trình các yếu tố văn hóa mà con người tiếp thu được tác động vào đời sống vật chất để con người biến đổi môi trường tự nhiên tạo lập môi trường nhân văn, làm ra được nhiều sản phẩm vật chất cho xã hội ; tác động vào đời sống tinh thần để con người thỏa mãn nhu cầu chủ quan đáp ứng các yêu cầu về tư tưởng, tình cảm, đạo đức, lối sống, tác động vào đời sống xã hội để xây dựng các chuẩn mực xã hội; tác động vào chính bản thân đời sống cá nhân, điều chỉnh hành vi của cá nhân trong xã hội.

Ở đây, trong luận văn này chúng tôi xin được xác định đời sống văn hóa ở nghĩa hẹp là đời sống tinh thần của người dân như các sinh hoạt hội hè đình đám, tín ngưỡng dân gian. Xem xét việc người dân thực hành nó thế nào và việc thực hành ấy có tác động ra sao đến đời sống hàng ngày của họ.

1.1.2. Khái niệm môi trường văn hóa

Cụm từ môi trường văn hoá lần đầu xuất hiện trong văn kiện Đại hội VIII (1996) của Đảng: "*Mọi hoạt động văn hoá, văn nghệ phải nhằm xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam về tư tưởng, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, xây*

dựng môi trường văn hoá lành mạnh cho sự phát triển xã hội". Trước đó giới nghiên cứu văn hoá Việt Nam cũng đã tiếp nhận lý luận về môi trường văn hoá của các học giả nghiên cứu văn hoá dưới thời Liên Xô cũ. Năm 1981, cuốn sách Cơ sở lý luận văn hoá Mác - Lênin do A.I. Ác-môn-đốp chủ biên, dịch từ tiếng Nga và được Nhà xuất bản Văn hoá xuất bản đưa ra quan niệm: "Môi trường văn hoá là một tổng thể ổn định những yếu tố vật thể và nhân cách, nhờ đó các cá thể tác động lẫn nhau. Chúng ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và sáng tạo giá trị văn hoá, tới nhu cầu tinh thần, hứng thú và định hướng giá trị của họ. Môi trường văn hoá không chỉ là tổng hợp những yếu tố văn hoá vật thể mà còn có những con người hiện diện văn hoá".

Quan niệm trên chỉ cho rõ hai thành tố quan trọng của môi trường văn hoá:

Những yếu tố vật thể và Nhân cách. Hai thành tố này ảnh hưởng đến quá trình sáng tạo, hưởng thụ, phổ biến các giá trị văn hoá và ý chí vươn lên của con người hướng tới chuẩn mực giá trị nhất định.

Từ định hướng trong văn kiện Đại hội VIII của Đảng và từ thực tiễn sinh động của các phong trào văn hóa những năm đầu 90 (thế kỷ XX): phong trào xây dựng gia đình văn hóa; làng, bản, ấp văn hóa; khu dân cư tiên tiến; môi trường văn hóa trong quân đội..., Nghị quyết Trung ương 5, khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc đã đề ra 10 nhiệm vụ cơ bản xây dựng nền văn hóa Việt Nam, xếp nhiệm vụ xây dựng môi trường văn hóa ở vị trí thứ hai sau nhiệm vụ xây dựng con người.

Với Nghị quyết Trung ương V, chúng ta đã có bước tiến tư duy về xây dựng môi trường văn hóa. Nội dung xây dựng môi trường văn hoá quy lại gồm các thành tố chính dưới đây:

Xây dựng đời sống văn hoá ở các đơn vị cơ sở; Xây dựng gia đình, cộng đồng dân cư văn hoá; Xây dựng nếp sống văn minh; Xây dựng và nâng cao

chất lượng hoạt động của các thiết chế văn hoá; Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức, phong trào văn hoá, văn nghệ.

Nội dung nêu trên chưa làm rõ thành tố nhân cách và môi trường tự nhiên trong xây dựng môi trường văn hoá. Những thiếu sót này đã được bổ sung toàn diện hơn đầy đủ hơn trong Hội nghị Trung ương 10 khóa IX và đại hội X của Đảng: *"Phải gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, công bằng và tiến bộ xã hội"* [13, tr. 178,179].

Như vậy, thông qua việc khảo sát các văn bản thể hiện quan điểm của Đảng về môi trường văn hoá, có thể nhận ra rằng tư duy của Đảng về môi trường văn hoá ngày một sáng rõ. Nội hàm môi trường văn hoá rộng hơn đời sống văn hoá. Đời sống văn hoá đề cập đến những điều kiện, những hành vi văn hoá của con người xuất phát từ nhu cầu đặt ra trong từng hoàn cảnh cụ thể của đời sống, nhằm thoả mãn khát vọng hưởng thụ và sáng tạo văn hoá. Môi trường văn hoá đề cao vai trò chủ động của con người với tư cách là sản phẩm của văn hoá đồng thời là chủ thể sáng tạo văn hoá trong các mối quan hệ ứng xử với môi trường tự nhiên và môi trường xã hội, tạo sự ổn định, phát triển, hướng tới các giá trị chân, thiện, mỹ, không ngừng cải thiện, nâng cao chất lượng sống của con người. Xây dựng đời sống văn hoá là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng nằm trong chiến lược xây dựng môi trường văn hoá. Môi trường văn hoá bao gồm các yếu tố văn hoá vật thể, văn hoá phi vật thể, môi trường tự nhiên và trên hết là những con người hiện diện văn hoá.

Tóm lại, môi trường văn hoá được hiểu với nghĩa rộng nhất của nó là sự hiện hữu các yếu tố văn hoá vật thể, phi vật thể do con người tái tạo ra; sự hiện hữu của cả những yếu tố vật thể tự nhiên bao quanh con người, trở thành khung cảnh và điều kiện tồn tại của con người; sự hiện diện của các nhân cách

văn hóa trong không gian, thời gian xác định, quan hệ, tác động lẫn nhau hướng con người tới những chuẩn mực giá trị xã hội.

1.1.3. *Khái niệm, thuật ngữ về lễ hội dân gian*

Ngày nay thuật ngữ lễ hội đều trở quen thuộc với tất cả mọi người từ những người nghiên cứu đến những người dân bình thường. Tuy nhiên đây là thuật ngữ mới phổ biến trong 20 năm trở lại đây. Xu thế của các nhà nghiên cứu từ những năm 90 của thế kỷ XX trở về trước là dùng thuật ngữ *hội*, *hội lễ* giống như cách gọi của dân gian. Người dân quê xưa thường gọi là đi hội, chơi hội, làng có hội thì người ta gọi là làng mở hội hay làng vào đám, hay gọn hơn nữa là đi hội. Toan Ánh là người trung thành nhất với "lời ăn tiếng nói" của người dân quê khi ông triệt để dùng thuật ngữ *hội hè đình đám* trong các công trình nghiên cứu của mình và ông luôn dùng từ hội khi nói gọn. Theo ông : "Trong hội có nhiều trò vui gọi là bách hí, tuy nhiên để dân chúng mua vui, nhưng mục đích của hội hè đình đám không chỉ có thế, và mua vui cho dân chúng cũng không phải mục đích đầu tiên của hội hè. Có thể nói được rằng mục đích đầu tiên của hội hè đình đám là để dân làng bày tỏ lòng thành kính và biết ơn với Đức Thành hoàng, Thần linh coi sóc, che chở cho dân làng" [4, tr. 11].

Có một nhà nghiên cứu cũng sử dụng thuật ngữ này một cách triệt để đó là Cao Huy Đình khi ông thực hiện một nghiên cứu về các hiện tượng văn hóa dân gian theo hướng tổng hợp gắn liền với nghệ thuật trình diễn. Hướng nghiên cứu của ông cũng khá thành công trong công trình *Người anh hùng làng Dóng* [14] của ông, và ở đây ông cũng dùng thuật ngữ hội để chỉ Hội Dóng.

Nhà nghiên cứu văn hóa dân gian Đình Gia Khánh, người trung thành văn hóa dân gian là một chính thể nguyên hợp và dày công khám phá tính thẩm mỹ của nó thì dùng thuật ngữ *hội lễ dân gian*, thời điểm mạnh của đời

sống cộng đồng. Theo ông : "Danh từ hội lễ nên được dùng như một thuật ngữ văn hóa. Có thể sơ bộ xác định ý nghĩa của thuật ngữ này theo hai thành tố hội và lễ. Hội là một tập hợp đông người trong một sinh hoạt cộng đồng. Lễ là nghi thức đặc thù gắn với sinh hoạt ấy" [22, tr. 172].

Một thuật ngữ khác được sử dụng đó là hội làng mà người sử dụng là nhà dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết trong loạt bài của học giả này viết về hội như "hội làng với tư cách là một sinh hoạt công xã" [42, tr. 2], "Hội làng trung du" [43, tr. 52-60]. Có thể khẳng định một điều, trước những năm 90 của thế kỷ XX, việc dùng thuật ngữ hội, hội làng hay hội lễ rất phổ biến trong giới nghiên cứu cũng như báo chí [29, tr. 269].

Từ sau những năm 90 của thế kỷ XX, xu thế sử dụng thuật ngữ lễ hội ngày càng phổ biến hơn. Điều này có thể lấy mốc từ công trình *Lễ hội cổ truyền* của Viện Nghiên cứu Văn hóa dân gian.

Tóm lại có thể quy tụ khái niệm lễ hội dân gian về các nét chính dưới đây:

Lễ hội dân gian là một sự kiện trọng đại của cộng đồng dân cư tập trung nhau lại để tưởng niệm một hay nhiều vị thần do có công lao với cộng đồng hoặc phù trợ cho cộng đồng ấy trong cuộc sống. Tại thời điểm xảy ra sự kiện ấy cộng đồng dân cư tiến hành những nghi lễ phong tục nhằm bày tỏ ngưỡng mộ tới các vị thần và cầu mong vị thần đó tiếp tục giúp đỡ mình trong năm mới.

Những nghi lễ ấy tiến hành kèm theo các lễ vật được cộng đồng ấy quý trọng nhất dâng lên các thần linh bằng các nghi thức tế lễ có nhạc, múa hay ca xướng phụ họa... Bên cạnh những nghi lễ là các cuộc vui chơi, ăn uống cộng cảm của cộng đồng, nhằm thỏa mãn sau những ngày làm việc vất vả, đồng thời là dịp để cổ kết cộng đồng xung quanh một vị thần chung của cộng đồng ấy [48, tr. 12-13].

1.2. Tổng quan chung về làng Vọng Nguyệt

1.2.1. Điều kiện địa lý tự nhiên, dân cư

Làng Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh nằm ở phía bờ Nam sông Cầu. Xã Tam Giang nằm bên bờ Nam sông Cầu, chạy theo hướng Đông, Tây có chiều dài khoảng 2000m, là nơi hợp lưu của hai dòng sông Cà Lồ và Nguyệt Đức. Địa giới của xã nằm trong vùng tiếp giáp với ba tỉnh: Bắc Ninh- Bắc Giang- Hà Nội: Phía Bắc giáp huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Phía Đông giáp xã Đông Tiến. Phía Nam giáp thị trấn Chờ, huyện lỵ Yên Phong. Phía Tây giáp xã Hòa Tiến và huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 864,8 ha. Dân số trung bình 10.426 người. Mật độ dân số 1.206 người/km². Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa, nhiệt độ trung bình từ 22 °c - 23 °c cao nhất vào tháng 6 và tháng 7 hàng năm, thấp nhất từ tháng 12 đến tháng 1, lượng mưa trung bình hàng năm 1400mm-1800mm với độ ẩm trung bình từ 80%-85% trung bình hàng năm

Làng ngụ cư theo hình chữ nhật theo dọc sông Cầu chiều dài 1,5km, chiều rộng 1km, cách trung tâm huyện Yên Phong khoảng 3km và cách đường cao tốc Quốc lộ 18 Bắc Ninh – Nội Bài 5km, làng liền kề với Ngã Ba Sà lịch sử nơi mà gần một ngàn năm trước đã vang vọng bản tuyên ngôn lịch sử bất hủ Nam quốc sơn hà Nam đế cư ghi dấu chiến công oanh liệt chống giặc Tống của nhân dân ta do Thái úy Lý Thường Kiệt lãnh đạo.

Đây là vùng đất do nguồn bồi của sông Cầu chảy ra sông Thái Bình tạo nên tuyến đường thủy giao thông hết sức thuận tiện và quan trọng trong vận tải hàng hóa. Hơn thế dọc theo chiều dài của làng là diện tích bãi bồi được phù sa sông bồi đắp hết sức màu mỡ, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp. Tất cả những điều kiện về tự nhiên đã tạo nên những ưu thế thuận lợi cho Vọng Nguyệt phát triển về mọi mặt mà không phải làng quê nào cũng có.

1.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển

Huyện Yên Phong có tên gọi từ thời nhà Trần 1225-1400, trong 6 năm vào thời Hồng Thuận 1509-1515 gọi tên là Yên Phú, tên Yên Phong hầu như cố định cho đến nay. Đây là vùng đất thật đẹp dưới con mắt của rất nhiều thi sĩ, khi Lê Quý Đôn qua đây có bài thơ:

Đường thông bãi biển tôm cua rẻ
Gần các lò nung chĩnh vại nhiều
Sông bên người qua như mắc cửi
Chút lời vớt vả biết bao nhiêu

Dưới triều Nguyễn tên huyện Yên Phong vẫn được giữ nguyên. Năm Minh Mệnh thứ ba (1822), Trấn Kinh Bắc được đổi thành Trấn Bắc Ninh, Yên Phong thuộc phủ Từ Sơn, năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) trấn Bắc Ninh được đổi thành tỉnh Bắc Ninh. Năm 1895 thực dân Pháp lấy sông Cầu làm địa giới, chia tỉnh Bắc Ninh làm hai tỉnh, phía Bắc sông Cầu là tỉnh Bắc Giang, phía Nam sông Cầu là tỉnh Bắc Ninh. Yên Phong thuộc phủ Từ Sơn nằm trong tỉnh Bắc Ninh.

Sau cách mạng Tháng Tám năm 1945, phủ Từ Sơn giải thể, Yên Phong là huyện độc lập của tỉnh Bắc Ninh; ngày 27-10-1962 Quốc hội nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa khóa 2 ra nghị quyết sáp nhập hai tỉnh Bắc Ninh- Bắc Giang thành tỉnh Hà Bắc, Yên Phong là huyện độc lập của tỉnh Hà Bắc.

Dưới chính thể Cộng hòa XHCN Việt Nam năm thứ 20, ngày 6-11-1996 kỳ họp thứ 10 Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa IX phê chuẩn tái lập hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, ngày 1-1-1997 tỉnh Bắc Ninh được tái lập, Yên Phong trở về huyện độc lập của Bắc Ninh.

Trải qua các triều đại phong kiến, xã Tam Giang đã trở thành một địa bàn có vị trí quan trọng trong chiến lược phòng thủ quốc gia, chống lại các

đạo quân xâm lược phương Bắc. Trước thời Gia Long (1802) địa bàn thuộc xã xưa có một phường ba xã, nằm ở hai tổng gồm:

Xã Hương La (thôn Phương La Đông và Phương La Đoài), xã Như Nguyệt và phường Hương La Thủy Cơ thuộc tổng Hương La về sau đổi tên thành tổng Phương La

Xã Vọng Nguyệt (thôn Nguyệt Cầu) thuộc tổng Nội Trà): Cách mạng tháng Tám thành công, đơn vị hành chính cấp tổng, cấp phủ bị xóa bỏ, xã Tam Giang chính thức được thành lập vào tháng 9 năm 1948 gồm có năm thôn: Vọng Nguyệt, Nguyệt Cầu, Như Nguyệt, Phương La Đông, Phương La Đoài xã Tam Giang thuộc tỉnh Bắc Ninh, từ năm 1963-1996 thuộc tỉnh Hà Bắc, và từ năm 1997 đến nay thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Làng Vọng Nguyệt là một trong những làng cổ của người Việt. Theo văn bia tại làng do Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu soạn thời Trần thì làng Vọng Nguyệt có tên là xã Thứ Nhị, giáp Như Ngột thuộc Bắc Giang Lộ Thượng Bạ. Xã Thứ Nhị (tức làng Vọng Nguyệt) là một trong 10 tụ điểm dân cư cổ của huyện Yên Phong ngày nay. Thời kỳ trước cách mạng tháng Tám năm 1945 làng Vọng Nguyệt thuộc tổng Nội Trà và ngày nay là thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh [41, tr. 9 -11].

1.2.3. Cơ cấu kinh tế- văn hóa xã hội

Đặc điểm dân cư: Làng Vọng Nguyệt từ ngàn xưa là do ông tổ người họ Chu đến đây khai phá và lập nghiệp, sau này có các họ Ngô, Nguyễn, Lê... Cư dân Vọng Nguyệt chỉ có thuần một dân tộc đó là dân tộc Kinh. Về huyết hệ trong lịch sử hầu như không có sự pha tạp, đồng hóa hay dị hóa với dân tộc khác, nên có thể nói cư dân Vọng Nguyệt khá thuần nhất về phong tục, tập quán, lối sống, cách nghĩ cách làm, không có hiện tượng di cư hay nhập cư ồ ạt.

Cùng với các giai đoạn của lịch sử dân tộc các dòng họ ở Vọng Nguyệt luôn sát cánh trong việc chống giặc giữ nước và xây dựng quê hương. Các dòng họ cùng nhau giao hảo với nhau bằng các hình thức như cưới xin, kết nghĩa từ đó tạo thành các mối quan hệ càng khăng khít trong cộng đồng làng. Ở mỗi dòng họ lại có một sắc thái riêng mà tiêu biểu phải nói đến dòng họ Ngô ở Vọng Nguyệt, mà mỗi khi nhắc đến là niềm tự hào và kiêu hãnh của cả làng. Đây là dòng họ tiêu biểu và xuất chúng được lưu danh trong sử vàng, là một trong những tứ lệnh tộc ở trấn Kinh Bắc được vua ban chữ vàng khen thưởng vì thành tích học tập, là dòng họ "Ngũ đại liên chúng" năm đời đỗ đại khoa. Một dòng họ đã làm rạng danh lịch sử khoa bảng tiêu biểu cho truyền thống hiếu học ở Bắc Ninh. Họ Ngô là dòng họ đầu tiên khai thị cho văn hiến Vọng Nguyệt. Vào cuối thế kỷ 15 sang thế kỷ 16 và vào thời nhà Nguyễn sau này các dòng họ khác cũng có người đỗ đại khoa, góp phần làm cho nền văn hiến Vọng Nguyệt ngày càng thêm phong phú như các dòng họ ở các khoa thi sau : Khoa nhâm thìn 1532 dưới thời Mạc Đăng Doanh, hậu duệ của Đô úy Chu Đình Dự đỗ tiến sĩ là Chu Địch Huân. Ông làm quan dưới triều Mạc đến bộ hộ thượng thư, tước Thiêm xuyên hầu. Sang thế kỷ 18, Nguyễn Duy Thức đỗ tiến sĩ khi thi Hội ông đỗ đầu khoa Quý mùi 1763 dưới thời Lê Hiến Tôn, năm ông 30 tuổi. Ông là người văn võ kiêm toàn. Ông từng làm Đốc đồng Hải Dương, Đốc đồng Cao Bằng, Tổng đốc Thái Nguyên rồi thượng thư bộ lại. Sau thế kỷ 19 Ngô Quang Diệu đỗ phó bảng khoa Kỷ Dậu 1894 dưới thời vua Tự Đức. Ông làm quan đến hàn lâm viện. Từ Ngô Như Ngọc đỗ tiến sĩ khai khoa đến Ngô Quang Diệu là người đỗ đại khoa, làng Vọng Nguyệt là làng có nhiều tiến sĩ nhất ở huyện Yên Phong.

Cơ cấu tổ chức: Trong làng còn có các ban ngành đoàn thể như : Hội người cao tuổi; Hội cựu chiến binh ; Hội phụ nữ ; Hội nông dân ; Đoàn thanh niên. Đây là lực lượng chính trong việc tuyên truyền vận động người dân chấp

hành các chủ trương chính sách của Đảng và Pháp luật của nhà nước. Ở Vọng Nguyệt hiện nay có hơn 800 hộ với trên 2000 nhân khẩu. Làng có một trưởng thôn, một chủ nhiệm hợp tác xã, hai phó chủ nhiệm, họ là những người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của người dân trong làng và được chính quyền xã công nhận. Đây cũng là những người điều hành các công việc chính trong các hoạt động tổ chức lễ hội của địa phương.

Đời sống kinh tế: Vọng Nguyệt là một làng thuần nông cũng như bao làng quê khác, ở đây có một nghề độc đáo bên cạnh nghề làm ruộng đã tồn tại cả ngàn năm nay đó là nghề dâu tằm tơ. Dân gian xưa có câu:

Dù ai buôn Sớ bán Tân

Không bằng Vọng Nguyệt chuyên cần ươm tơ

Câu ca dao chứa đựng niềm tự hào kiêu hãnh về một làng nghề truyền thống ven sông. Làng Vọng Nguyệt từ bao đời nay vẫn nổi tiếng cả nước với nghề trồng dâu nuôi tằm. Cái nghề mà gần cả ngàn năm nay đã bén duyên với người dân Vọng Nguyệt. Cũng với những đổi thay của lịch sử, trải qua bao biến cố thăng trầm làng nghề tơ tằm ngày nay cũng có nhiều đổi khác. Các dòng họ lớn trong làng cùng nhau gìn giữ và phát triển nghề tơ tằm thành một làng nghề truyền thống.

Mỗi năm người dân làng Vọng Nguyệt sản ra 60-70 tấn chiếm xấp xỉ một phần mười sản lượng tơ của cả nước và cho giá trị kinh tế cao. Làng có hơn 800 hộ, nếu như trước đây trong làng chỉ có số ít những một hai căn nhà hai tầng lợp ngói mới, của một số người giàu có nhất làng thì nay hoàn toàn khác, số lượng các nhà hai, ba tầng mọc lên hàng chục thậm chí hàng trăm, với những nét kiến trúc hiện đại. Đời sống kinh tế của người dân được nâng cao một cách toàn diện, đặc biệt là từ năm 2007 khi tập đoàn sản xuất di động lớn nhất thế giới Samsung xây dựng nhà máy tại huyện Yên Phong. Chính sự

phát triển nhanh về công nghiệp ở Yên Phong đã dẫn đến sự thay đổi đáng kể đời sống không chỉ người dân Vọng Nguyệt mà còn tạo ra hàng triệu việc làm cho các vùng lân cận, tỉ trọng lao động ở các xã trên địa bàn toàn huyện thay đổi đáng kể đó là giảm tỉ trọng lao động trong nông nghiệp và tăng tỉ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ. Phần lớn con em Vọng Nguyệt hiện tại đang làm việc tại khu công nghiệp Yên Phong với thu nhập trung bình 5- 6 triệu đồng/tháng. Tính đến nay trên địa bàn toàn thôn số 100% số hộ gia đình đều có các đồ dùng thiết yếu như xe máy, ti vi tủ lạnh... và được dùng nước sạch. Diện mạo của Vọng Nguyệt hiện tại đã có nhiều biến đổi khởi sắc, và Vọng Nguyệt đang là một trong những làng quê giàu có rất đáng tự hào của Yên Phong ngày nay.

Văn hóa - giáo dục: Trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng có thể tự hào mà nói rằng Vọng Nguyệt luôn là địa phương đi đầu trên địa bàn xã Tam Giang trong các phong trào xây dựng gia đình văn hóa, làng văn hóa. Trong làng hiện nay đã có nhà văn hóa rất khang trang để phục vụ các hoạt động văn hóa và công tác của địa phương.

Lĩnh vực giáo dục luôn là điều đáng tự hào của người dân Vọng Nguyệt xưa và nay, bởi lẽ ở đây việc học hành rất được coi trọng. Ngày nay Vọng Nguyệt được biết đến là vùng đất học nổi danh mà người ta vẫn ví là làng Đại học ven sông Cầu. Có thể thấy với thế hệ trẻ Vọng Nguyệt hôm nay, con đường đi lên từ học vấn đã ăn sâu vào tâm trí, là lý tưởng cao đẹp thôi thúc mỗi thế hệ con em không ngừng vươn lên.

1.2.4. Các di tích lịch sử văn hóa

Chùa Vọng Nguyệt: Chùa Vọng Nguyệt xưa được xây dựng với ba tòa gồm tòa Tam Bảo, tòa nhà Điện và tòa nhà Mẫu với hệ với hệ thống nhà khách, nhà sắp cỗ. Trong Tam Bảo có nhiều hoành phi và câu đối cổ. Trên

nóc Tam Bảo có ba chữ lớn Khai Nghiêm Tự tức chùa Khai Nghiêm. Cùng trong Tam Bảo có các pho tượng phật cổ được khắc bằng gỗ có giá trị. Phía trước sân Tam Bảo là ngôi Tam Quan với gác chuông treo một quả chuông lớn bằng đồng do bà Trần Thị Lựu phu nhân của quan nghè Nguyễn Duy Thức công đức năm Đinh Tỵ 1797. Chuông chùa quý giá ấy vẫn còn đến ngày hôm nay. Đặc biệt phía bên trong của miếu thờ vẫn còn tấm bia lớn có giá trị lịch sử vì được ghi văn bia của Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu thời Trần triều. Theo văn bia: "Chùa Khai Nghiêm thuộc xã Thứ Nhì (tức làng Vọng Nguyệt ngày nay) giáp Như Ngột thuộc Bắc Giang Lộ-Thượng Ban là ngôi chùa do công chúa Nguyệt Sinh triều Lý xây dựng. Xung quanh có núi Tiên Sơn châu phía Nam, sông Đầm Giang bao bọc phía Bắc. Nhưng tiếc thay xây dựng trước đó đã đổ nát chẳng được bao nhiêu. Lúc đó Chu Tuế làm chức nội công Hòa Đầu (viên quan lớn thời Trần) dẫn dắt dân làng góp công góp của xây dựng lại. Khởi công từ năm Quý Dậu, niên hiệu Khai Hựu thứ 5(1333) đến năm ất Hợi (1335) niên hiệu Khai Hựu thứ 7 thì xong"". Chu Tuế thân hành đề phủ Thiên Trường xin Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu viết cho bài ký và đã được khắc trên bia đá, kích thước 1,14m x0,79m x0,27m. Với nội dung thứ nhất đã được nêu ở trên. Còn phần thứ hai của văn bia thể hiện cái nhìn của một nhà nho lớn đối với đạo phật : "Phải đưa hoạt động của đạo phật đúng hướng, phải sửa đổi phong tục dị đoan mà dựa vào nhà chùa làm những điều không lành, để cho chính đạo phải được phục hưng"". Như vậy chùa Khai Nghiêm Vọng Nguyệt đã có trên 700 năm lịch sử và tồn tại.

Tại ngôi chùa cổ kính này đã diễn ra bao nhiêu sự kiện lịch sử đáng nhớ: Những năm trước cách mạng tháng Tám dân ta có trên 90% bị mù chữ, năm 1942 tại ngôi nhà ba gian cạnh Tam Bảo nhà chùa Vọng Nguyệt cụ giáo Đàm người xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang về mở lớp hương sư ở chùa Vọng Nguyệt dạy chữ quốc ngữ ở Vọng Nguyệt. Để có cán bộ quân sự

xây dựng phong trào chuẩn bị cho cuộc tổng khởi nghĩa, cuối tháng 5 năm 1945 cấp trên đã giao nhiệm vụ cho Vọng Nguyệt tổ chức hai lớp tập huấn quân sự cho các xã thuộc thượng huyện Yên Phong, chùa làng Vọng Nguyệt được chọn làm nơi học tập và nghỉ ngơi. Sau lớp học phong trào luyện tập quân sự ở Vọng Nguyệt phát triển khá mạnh góp phần vào cuộc tổng khởi nghĩa cách mạng tháng 8 thắng lợi. Tháng 8 năm 1947 chùa Vọng Nguyệt được xướng chế tạo quân giới lựa chọn là nơi sơ tán để chế tạo lựu đạn phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1945-1954 các chiến sĩ du kích quê nhà đã dùng ngôi chùa làm nơi ẩn tránh chờ thời cơ tiêu diệt giặc và phá đồn địch. Năm học 1961-1962 trường cấp hai Tam Giang nay là trường trung học cơ sở Tam Giang được thành lập. Nhà trường phải học nhờ tại đình làng, để tạo điều kiện xây dựng trường, được sự nhất trí của chi bộ và sự đồng tình của nhân dân Vọng Nguyệt sư cụ Nhật Tân trụ trì chùa đã cho tháo dỡ Tam Quan chùa để tăng thêm vật liệu xây dựng trường học. Ở giai đoạn đương đầu với cuộc đấu tranh chống Mỹ ác liệt năm tháng 7 năm 1966 khoa Xe thuộc Học viện quân sự đã chọn chùa Vọng Nguyệt làm nơi huấn luyện và sơ tán các chiến sĩ lái xe, góp phần thắng lợi cho cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ vĩ đại của dân tộc ta.

Cùng với chiều dài của lịch sử dân tộc chùa Khai Nghiêm Vọng Nguyệt cũng bị xuống cấp, phần do chiến tranh, phần do tự nhiên nhất là tòa Tam Bảo. Để bảo tồn di sản quý báu của làng tháng 9 năm 1995 chi bộ thôn đã họp và ra nghị quyết trùng tu Tam Bảo. Sau hơn ba tháng xây dựng cùng với sự đóng góp của nhân dân ngày 20 tháng giêng năm 1996 làng Vọng Nguyệt vui mừng mở hội khánh thành ngôi Tam Bảo chùa làng.

Sau hơn 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới đời sống kinh tế của các hộ gia đình Vọng Nguyệt ngày càng phát triển. Tháng 11 năm 2001 được sự nhất trí của chi bộ, lãnh đạo thôn đã chỉ đạo các gia đình trong thôn và các nhà hảo

tâm đã đóng góp, trùng tu nhà tổ, nhà mẫu, nhà khách của chùa thêm khang trang hơn to đẹp hơn. Đặc biệt nhà chùa còn bảo tồn được tấm bia đá cổ ghi văn bia của Hàn Lâm Học Sĩ Trương Hán Siêu thời triều Trần có giá trị lịch sử quý báu. Sau hơn hai tháng xây dựng ngày 24/2/2002 thôn Vọng Nguyệt long trọng tổ chức lễ hội khánh thành trùng tu chùa làng. Với các giá trị lịch sử và văn hóa chùa Khai Nghiêm Vọng Nguyệt đã vinh dự được công nhận là di tích lịch sử quốc gia.

Đình Vọng Nguyệt: Có thể thấy Trung tâm bất di bất dịch và cũng sinh động nhất của tình đoàn kết làng xã là cái đình. Mỗi làng có một cái đình là trung tâm sinh hoạt tập thể của cộng đồng và là nơi đặt bàn thờ vị thần che chở cho làng. Chính đây là nơi diễn ra các hoạt động tế lễ thực hiện mọi hành động tạo thành đời sống của xã hội Việt Nam [20, tr. 151-152].

Đình Vọng Nguyệt là một trong những công trình kiến trúc cổ thời Nguyễn. Trải qua nhiều cuộc chiến tranh nhưng đình vẫn vững trãi tồn tại, là nơi hội tụ tinh hoa văn hóa của làng quê Bắc Bộ. Trước đây đình Vọng Nguyệt được xây dựng ở ngoài đê sông Cầu, trải qua thời gian thiên tai lụt lội ngôi đình cũ bị đổ nát, đến cuối đời vua Tự Đức dân làng chuyển về như vị trí hiện nay.

Theo dòng niên đại chữ Hán “Hoàng triều Tự Đức Canh Thìn niên Quý Đông” khắc trên câu đầu cho biết đình Vọng Nguyệt được xây dựng lại vào tháng 12 năm Canh Thìn niên hiệu Tự Đức 33(1880) cho đến nay đã trải qua một vài lần tu sửa nhỏ nhưng cũng về căn bản vẫn giữ nguyên kiến trúc ban đầu. Đình Vọng Nguyệt quay hướng Đông tọa lạc ở giữa làng có mặt bằng kiến trúc hình chữ nhật (-) gồm một tòa đại đình ba gian hai trái (phần hậu cung bị dỡ bỏ lấy gỗ làm trường học của xã vào những năm 1960). Bộ khung đình được làm bằng gỗ lim to khỏe, kết cấu vì kèo theo kiểu thượng con chông giá chiêng hạ kẻ trường.

Nghệ thuật chạm khắc ở đình Vọng Nguyệt mang đậm phong cách thời Nguyễn tập trung chủ yếu trên các kết cấu kiến trúc như: cột, con rường, đầu dư, bẩy hiên, đề tài trang trí tứ linh, và các hoa lá cách điệu. Đặc biệt là hai bức cột tại gian giữa bằng kỹ thuật chạm nổi, người nghệ sĩ dân gian xưa đã thỏa sức thể hiện tài nghệ của mình với đề tài “rồng ngâm ngọc”, “long cuốn thủy”, “phượng vũ kỳ lân”, “quy đồ thư”, “phượng hàm thư”. Theo các cụ cao niên cho biết đình Vọng Nguyệt xưa do hai hiệp thợ làm một là người trong làng và một là do làng mời từ nơi khác đến. Nhìn vào đề tài trang trí mà thấy rằng hiệp thợ làm đình phía bên tay trái (nhìn từ ngoài vào) có tay nghề giỏi hơn, các mảng chạm được tạo tác tỉ mỉ cẩn thận đến từng chi tiết, kỹ thuật điêu luyện với các đường nét tinh xảo.

Hiện nay đình Vọng Nguyệt vẫn chưa có tài liệu nào về thần tích, sắc phong nói về nhân vật được thờ ở nơi đây. Theo truyền thuyết tại địa phương thì đình thờ Lý Đông Chinh thời Lý. Sau này nhân đã phối thờ 8 vị đỗ đại khoa và 54 vị liệt sĩ là người làng trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ. Hệ thống cổ vật ở đền Vọng Nguyệt còn một bức hoành phi “Vạn thọ vô cương” và một ngai thờ niên đại thời Nguyễn còn lại là các đồ mới tạo tác.

Với những giá trị lịch sử văn hóa đình Vọng Nguyệt đã được UBND tỉnh Bắc Ninh xếp hạng là di tích lịch sử văn hóa theo quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 15-01-2009.

Đền Vọng Nguyệt: Để hiểu rõ hơn về ngôi đền cổ kính này, xin được lược đôi nét về lịch sử của làng. Từ thế kỷ XI làng Vọng Nguyệt đã sinh ra vị tài Chu Đình Dự, tướng Dự vốn xuất thân từ người thợ rèn nhưng đã sớm nổi danh, và trở thành một thuộc tướng tin cậy của Lý Thường Kiệt. Trong cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược 1077, tướng Chu Đình Dự đã góp công giúp Lý Thường Kiệt phá cầu Phù Kiều của Triệu Tiết bắc qua sông Như Nguyệt, bao vây và tiêu diệt rất nhiều quân địch ở đồng Bờ Xác. Nhờ tài trí

hơn người Chu Đình Dự đã được nhà vua gả con gái là công chúa Lý Nguyệt Sinh cũng là một tướng quân văn võ song toàn có công lớn trong cuộc kháng chiến chống Tống xâm lược Đại Việt. Khi họ mất dân làng thương tiếc lập đền thờ ngay tại nhà riêng để tưởng nhớ. Nơi đó nay chính là đền Vọng Nguyệt di tích lịch sử đã được nhà nước xếp hạng cấp quốc gia.

Đền Vọng Nguyệt nằm ở cuối làng, hiện còn hai tấm bia đá Bản thân bia ký(bia ghi sự tích của thân) dựng năm Dương Hòa thứ 8(1642) và 36 đạo sắc phong ở đền, từ năm Dương Đức thứ 2 (1673) đến năm Khải Định thứ 9(1924), cho biết đền thờ hai vị tướng thời Lý có công lãnh đạo đội dân binh làng Vọng Nguyệt chống giặc Tống là Nguyệt Sinh công chúa con gái vua Lý Thái Tôn và chồng là phò mã đô úy Chu Đình Dự. Đền Vọng Nguyệt cũ làm theo kiểu chữ tam, mỗi nếp nhà đều có ba gian hai trái, hiện nay còn một tòa thượng điện gồm ba gian hai trái và hậu cung và các di vật cổ trong đền cho đến nay vẫn còn nguyên vẹn và có giá trị lịch sử cao.

Nhà thờ họ Ngô: Theo Vọng Nguyệt Ngô Lệnh Tộc Phả và nhiều tài liệu nghiên cứu về dòng họ Ngô ở Vọng Nguyệt. Thủy tổ họ Ngô là cụ Ngô Nguyên, hiệu “Quảng Bình, quốc tử giám tử sinh, ứng vụ nội mật viên lại”. Cụ Ngô Nguyên là một trong sáu người con trai cư biệt quán của Thanh Quốc Công Ngô Khế, đã về Vọng Nguyệt khoảng thế kỷ XV. Cụ được một vị quan họ Chu giàu có gả con gái cho. Đây chính là cụ tổ bà huyền thoại Chu Thị Bột, làm ăn giỏi giang khi quê hương mùa màng bị đói kém, bà đã dốc hết thóc nhà để cứu tế sinh linh.

Nơi ở của hai cụ xưa đã trở thành nhà thờ của họ Ngô ngày nay, cũng là nơi thờ cúng 5 vị đại khoa tiền sĩ các triều đại Lê- Mạc. Bức đại tự “Thế xuất Nho Khoa” và những vế đối, câu thơ đều toát lên truyền thống khoa bảng năm đời tiền sĩ từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 17, và nối tiếp là lớp hậu duệ con cháu có nhiều người thành đạt về sau.

Trải qua trên 550 năm kể từ khi cụ tổ Ngô Nguyên về làng Vọng Nguyệt họ Ngô Vọng Nguyệt đã phát triển được 18 đời. Đặc biệt các thế hệ con cháu trong gia tộc vẫn phát huy được truyền thống khoa bảng vẻ vang và nhân hậu tương thân tương ái, sống hòa thuận với dân làng, luôn giúp đỡ mọi người và được làng xã yêu mến.

Trong suốt hơn 550 năm qua, nhà thờ tổ vẫn được các thế hệ con cháu trong gia tộc giữ gìn, tôn tạo đồng thời mang ý nghĩa giáo dục cho các thế hệ hôm nay và mai sau noi gương sáng của tổ tiên, đặc biệt là truyền thống hiếu học, khoa bảng và nhân ái. Trong nhà thờ còn lưu giữ nhiều tài liệu hiện vật cao quý: như gia phả Ngô Lệnh tộc, hệ thống hoành phi, câu đối, ngai thờ, bài vị, sập thờ... không những cho biết về lịch sử dòng họ Ngô với truyền thống khoa bảng vẻ vang và làng nhân hậu sâu sắc mà còn được xem như một "bảo tàng" nhỏ giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về truyền thống khoa cử, phong tục tập quán của quê hương.

Với những giá trị to lớn của di tích, nhà thờ 5 tiên sĩ họ Ngô được xếp hạng cấp tỉnh năm 1997 và ngày 23 tháng 12 năm 2015 Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch đã ban hành quyết định số 4481/QĐ- BVHTTDL về việc xếp hạng di tích quốc gia Nhà thờ 5 tiên sĩ họ Ngô làng Vọng Nguyệt. Điều đó một lần nữa đã khẳng định các giá trị của di tích và công lao các vị tiên sĩ dòng họ Ngô làng Vọng Nguyệt đối với quê hương đất nước. Là niềm tự hào của gia tộc họ Ngô nói riêng và Tỉnh Bắc Ninh nói chung.

Tiểu kết chương 1

Bắc Ninh là nơi hội tụ của nhiều di tích lịch sử văn hóa và lễ hội truyền thống của người Việt, vùng đất này đã dệt nên nhiều trang sử vàng của lịch sử dân tộc. Cùng với những tên làng, tên núi, tên sông đã tạo nên cho Bắc Ninh một kho tàng di tích lịch sử văn hóa vô cùng giá trị.

Là một vùng quê giàu truyền thống của huyện Yên Phong, làng Vọng Nguyệt là một trong số rất ít các làng khoa bảng của người Việt ở Đồng Bằng Bắc Bộ, cùng với hệ thống di tích lịch sử văn hóa khá dày đặc đã tạo nên một Vọng Nguyệt kỳ vĩ như ngày hôm nay. Giống như bao làng quê khác ở Bắc Ninh Vọng Nguyệt hôm nay có những bước phát triển đáng kể về đời sống vật chất và tinh thần. Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay ở Yên Phong nói riêng và Bắc Ninh nói chung bên cạnh những yếu tố thuận lợi cũng đặt ra không ít những khó khăn và thách thức. Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống chịu ảnh hưởng không nhỏ, hoạt động lễ hội là một ví dụ.

Để làm rõ hơn về vấn đề này chúng ta cùng tìm hiểu lễ hội làng Vọng Nguyệt năm 2016 lễ hội diễn ra trong ba ngày từ 11-13 tháng hai âm lịch(cứ 5 năm làng lại mở hội một lần) một lễ hội mang đậm chất vùng quê Kinh Bắc.

Chương 2

LỄ HỘI LÀNG VỌNG NGUYỆT NĂM 2016

Hội làng là sinh hoạt văn hóa, tôn giáo, nghệ thuật của cộng đồng làng, xuất phát từ nhu cầu của cuộc sống, từ sự tồn tại và phát triển cho cả làng, sự bình yên của từng cá nhân, niềm hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho từng dòng họ; sự sinh sôi nảy nở của gia súc; sự bội thu của mùa màng, mà từ bao đời đã quy ước chung vào bốn chữ “*Nhân khang vật thịnh*”. Vẫn mang đậm những nét truyền thống như các lễ hội ở vùng Kinh Bắc, lễ hội Vọng Nguyệt năm nay diễn ra trong không khí hết sức hồ hởi, tươi vui bởi lễ hội năm nay được tổ chức trùng với việc khánh thành đình làng Vọng Nguyệt một trong những di tích lịch sử văn hóa có ý nghĩa về nhiều mặt của đời sống.

2.1. Công tác chuẩn bị lễ hội

Cổ nhân có câu “vạn sự khởi đầu nan”, mỗi bước đi đầu tiên trong một chu kỳ năm là vô cùng quan trọng, nó quyết định sự xấu tốt cho cả một năm, đặc biệt lại là việc tín ngưỡng. Vì thế mà công tác chuẩn bị cho một lễ hội càng có một ý nghĩa hết sức quan trọng bởi nó liên quan đến vận mệnh của cả làng. Mỗi sai sót trong việc tiến hành nghi lễ đều có thể đem lại hậu quả khôn lường cho toàn thể cộng đồng. Bởi vậy mà công tác chuẩn bị lễ hội rất được coi trọng. Trước cách mạng tháng Tám năm 1945 thành phần ban tổ chức lễ hội là bộ máy các chức dịch ở địa phương như các bậc tiên chỉ trong làng có trách nhiệm tổ chức họp bàn để phân công nhiệm vụ triển khai hội làng. Lễ hội Vọng Nguyệt 2016 trước ngày làng mở hội khoảng 1 tháng đại diện chính quyền địa phương cùng các ban ngành đoàn thể của địa phương như hội người cao tuổi, hội cựu chiến binh, hội phụ nữ... họp bàn về chương trình tổ chức lễ hội, viết báo cáo gửi ban văn hóa xã Tam Giang về việc làng xin mở hội. Sau đó thành lập ban tổ chức lễ hội, và phân công nhiệm vụ đến từng tập

thể cá nhân. Ban này có nhiệm vụ điều hành toàn bộ các hoạt động diễn ra trong suốt thời gian làng mở hội. Tiếp theo là ban tổ chức lễ hội phân công nhiệm vụ cho các phe, giáp, dòng họ trong làng và dân làng cứ theo đó mà thực hiện. Năm 2016 này là năm đặc biệt 5 năm làng mới mở hội một lần, hội làng mở hội trùng với việc khánh thành đình làng. Vì thế mà việc tổ chức được bắt đầu từ trước đó rất lâu và một trong những việc quan trọng cần chuẩn bị hơn cả là chuẩn bị lễ vật, tập luyện các vai tế, lễ, rước xách, trò chơi, trò diễn dân gian....

2.1.1. Chuẩn bị lễ vật

Ở các lễ hội ở Bắc Ninh nói chung, thì ở lễ hội làng Vọng Nguyệt công việc chuẩn bị lễ vật là một việc hết sức quan trọng. Đặc biệt lễ hội năm nay lại trùng với việc khánh thành đình làng nên công tác chuẩn bị hết sức sôi nổi từ trước đó cả tháng. Nó thể hiện lòng thành kính của dân chúng đối với lễ hội, phản ánh đời sống của người dân trong việc thực hành các nghi thức diễn ra trong lễ hội. Dòng họ Ngô là dòng họ lớn có rất nhiều người đỗ đạt cao nên được làng cất cử việc chuẩn bị lễ vật. Cũng giống như một số địa phương ở Bắc Ninh lễ vật phổ biến nhất vẫn là các loại bánh, phổ biến nhất trong các lễ vật chuẩn bị là bánh dày, bánh chưng xôi, thịt... Nó thể hiện tín ngưỡng nông nghiệp ngàn đời của dân tộc ta. Đặc biệt năm nay làng còn chuẩn bị một con lợn quay để nguyên con để rước cúng. Cùng với những thứ trên là các loại hoa quả bày soạn trên các ban thờ, điện thờ... Tất cả đều được phân công để chuẩn bị hết sức cụ thể đến từng cá nhân. Lễ vật trên mâm cúng không chỉ phản ánh nhu cầu của đối tượng được suy tôn mà còn phản ánh tài năng của người lao động trong quá trình sản xuất và chế biến sản phẩm ấy để cải thiện đời sống.

2.1.2. Chuẩn bị các vai tế, vai diễn trong hội

Trong các lễ hội dân gian nói chung việc phân công các vai tế cũng theo quy định của hương ước hay lệ làng, người được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chuẩn mà các vai tế đó yêu cầu. Chẳng hạn chủ tế phải là người có sức khỏe, học thức, gia đình toàn vẹn, có đủ con trai, con gái, cháu nội ngoại đê huê, hòa thuận, và không có tang trở... Chủ tế là người đại diện cho dân làng làm các nghi thức lễ bái ở đình trong ngày diễn ra lễ hội vì thế người được cử phải tập luyện một cách hết sức nghiêm túc từ bước đi bước đứng để khi tham gia không mắc sai sót. Nếu có sai sót thì cả người mắc lỗi và gia đình cũng như họ hàng và dân làng hết sức lo lắng, không yên và rất sợ có điều không may xảy đến với dân làng và gia đình mình. Cho nên việc tập luyện cẩn trọng của mỗi thành viên là một công việc hết sức nghiêm túc và được chú trọng. Người ta lo nếu bị thần linh quở trách thì năm đó có thể cá nhân hay gia đình người phạm lỗi sẽ có chuyện không hay....Cũng giống như vậy, các vai diễn trong lễ hội cũng được luyện tập hết sức nghiêm túc để chuẩn bị tốt nhất cho ngày hội làng, tất cả đều được tập rượt chu đáo từ ngày mùng 9 và mùng 10 tháng 2 trước ngày khai hội.

2.1.3. Chuẩn bị dọn dẹp nơi thờ tự và đồ thờ

Trước khi lễ hội làng diễn ra ban tổ chức đã phân công một số người dọn dẹp nơi thờ tự cho sạch sẽ để chuẩn bị cho ngày hội đến, các đồ tế khí được mang ra lau chùi, các kiệu, cờ quạt được cất giữ nay được đem ra bày biện, kiểm tra lại để chỉnh đốn và sửa chữa. Toàn bộ khu vực thờ tự được quét dọn trang trí để chuẩn bị tốt cho lễ hội sắp tới. Đây là khu nghiêm trang cẩn mật nên người tham dự là người có trách nhiệm và được lựa chọn cẩn mật không như những công việc bình thường khác, đảm bảo tuyệt đối không có sơ sẩy các đồ thờ tự.

2.1.4. Chuẩn bị vệ sinh đường làng và không gian mở hội

Công việc vệ sinh đường làng là một hoạt động hết sức cần thiết trong việc tạo cảnh quan sạch sẽ chuẩn bị lễ hội. Năm nay làng Vọng Nguyệt tổ chức đám rước linh đình nên công tác vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh được các cấp chính quyền địa phương hết sức chú ý. Trước khi lễ hội diễn ra vài ngày trên các phương tiện truyền thanh của địa phương phát thông báo tất cả mọi người trong làng, tự giác vệ sinh đường làng mình, phát tĩa cành cây nơi đoàn rước sẽ đi qua. Tất cả tạo bầu không khí rất sôi nổi, mọi người hồ hởi tham gia dọn dẹp hết sức khẩn trương và tích cực. Đoàn thanh niên thôn là đơn vị xung kích đi đầu, khắp các ngõ xóm chúng tôi bắt gặp nhữn nam thanh nữ tú đang thu gom rác trên một số tuyến đường làng với tinh thần chuẩn bị tốt nhất cảnh quan của làng trong những ngày làng có hội.

2.1.5. Chuẩn bị tài chính cho lễ hội

Công việc chuẩn bị tài chính cho bất kỳ một lễ hội nào cũng là rất quan trọng, nó quyết định quy mô tính chất và mọi hoạt động của lễ hội. Trước đây do điều kiện kinh tế còn khó khăn nên quy mô của lễ hội cũng chỉ dừng lại ở cấp làng, chủ yếu là khép kín theo kiểu: Trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ. Kinh phí tổ chức lễ hội chủ yếu dựa trên nguồn hoa lợi của địa phương và một phần do dân làng đóng góp. Ngày nay do nhu cầu của đời sống, khi mà điều kiện kinh tế phát triển thì tính chất và quy mô của hội cũng thay đổi khác trước. Cổ nhân có câu: Phú quý sinh lễ nghĩa. Lễ hội ngày nay tổ chức với quy mô rộng lớn hơn có thể đến hàng xã, có nhiều du khách của nhiều làng tham dự, sinh lễ cũng nhiều hơn, đẹp hơn vì thế tài chính chuẩn bị cho lễ hội càng trở nên quan trọng. Năm 2016 này kinh phí tổ chức cho lễ hội được tiến hành thu trên mỗi hộ là 120 000 đồng và một phần trích ra từ tiền công đức của các tổ chức, cá nhân trong và

ngoài làng, phần còn lại lấy từ các khoản thu của địa phương như các bãi, đầm ngoài đê cho thuê.

2.2. Diễn biến lễ hội

Lễ hội Vọng Nguyệt 2016 bắt đầu từ ngày 11 tháng Hai và kết thúc vào ngày 13 tháng Hai âm lịch. Phần lễ được bắt đầu bằng đám rước.

2.2.1. Đám rước

Có thể nói đám rước làng hiện tượng văn hóa thể nhất, và có quy mô hoành tráng nhất trong lễ hội truyền thống. Bởi đây là nơi tập hợp số người đông đảo nhất với đủ mọi tầng lớp tham gia. Đó là các chức sắc các cụ già hai giới, trung niên, thanh niên, thiếu niên, dân làng và khách thập phương.

Thời gian diễn ra lễ hội Vọng Nguyệt là ba ngày 11, 12, 13 tháng Hai âm lịch đám rước được tiến hành vào ngày 11 tháng Hai là ngày làng mở hội. Đám rước được tiến hành lúc 8h sáng ngày 11 tháng Hai. Trước khi đám rước bắt đầu tất cả các vị trí rước, các đồ thờ tự vào đúng vị trí phân công và chuyển những đồ tế khí, cờ, lọng, tàn, tía ra trước sân đình để chuẩn bị rước. Đúng 7h30 phút tất cả mọi việc đã hoàn tất, những người có trách nhiệm đốc thúc các vị trí chuẩn bị đợi lệnh. Khi có hiệu lệnh phát ra từ đình đoàn rước được tiến hành, đi đầu đoàn rước là cờ tổ quốc được một người nâng cao, đi tiếp sau là 8 thiếu nữ khiêng rước khung ảnh Bác có kết hoa. Sau đó là đoàn múa lân theo sau là hai cờ thần do hai người cùng đi nối hàng theo nhau. Đoàn nhạc rước đi đầu là một chiếc trống Đại, có giá gỗ đỡ được hai thanh niên mặc quần áo hội quần khăn đỏ khiêng và một thanh niên đầu quần khăn đỏ đi theo đánh, một giá chiêng cũng được bố trí khiêng rước như vậy. Tiếp đến là cờ thần và hai hàng bát bửu gồm 8 xà mâu và 6 kiếm chia đều hai bên do các thanh niên trong lễ phục của ngày hội mang đi. Kế đoàn bát bửu đó là phường bát âm vừa đi vừa chơi các điệu nhạc trong đám rước.

Tất cả được chia đều đi thành hai hàng song song nhau ở hai bên, theo sau đó là kiệu hương do 8 thiếu nữ thay phiên nhau khênh. Kế đó là hai kiệu chính (kiệu bát cống) được chia ra hai tốp, tốp thứ nhất gồm 16 thiếu nữ 8 người khiêng và 8 người đi cùng để thay phiên khiêng, đi theo đó là 8 em thiếu nhi nữ, 4 em thiếu nữ kéo dây ngựa bà, hai bên ngựa là 4 em thiếu nữ, tất cả các em đều mặc áo hội đầu quần nơ xanh nõn chuối. Đi theo sau là 8 thanh niên cũng được bố trí 4 thanh niên dắt ngựa ông và 4 thanh niên đi hai bên ngựa, ăn mặc quần áo hội nhưng đầu quần khăn đỏ, đi đến mỗi xóm là tiếng lạc ngựa lại được reo lên, tạo nên một không khí rộn rã và vui tươi. Ở phía trước của ngựa ông và ngựa bà đều có tượng gỗ tượng trưng cho hai vị tổ làng, dưới chân tượng đó là thóc được người dân phủ lên khi đám rước đi qua các ngõ xóm thể hiện lòng biết ơn của dân làng gắn với câu chuyện bà Thí thóc đã có công cứu đói dân làng năm xưa. Giai thoại về cụ tổ Thí Thóc và mộ thiên táng được dân làng kể như sau:

Nói về cụ tổ bà Chu Thị Bột, đây là người con gái giỏi giang, hay lam hay làm lại cần kiệm nên chẳng bao lâu của cải trong nhà kể không xiết. Khi ấy cả vùng Kinh Bắc mất mùa, dân làng đói khát, cụ Bột đã dùng số thóc của mình để phát chẩn cứu đói, nhờ đó, nhiều người đã thoát khỏi nạn đói. Vì thế người dân trong vùng từ đó gọi cụ là cụ Thí Thóc. Nhưng thật không may, khi cụ bà cho vay hết thóc lúa và tiền bạc thì mất mùa vẫn liên tiếp xảy công với dịch bệnh hoành hành nên cụ lâm bệnh nặng. Biết mình không thể qua khỏi, cụ Thí Thóc dặn con cháu, khi ta chết, hãy đem chôn ở cánh đồng Hàn Phần. Sau đó cụ qua đời ngày 17 tháng Giêng. Con cháu y lời dặn đợi đến đêm tối thì đưa cụ bà đi chôn cất. Đi đến cánh đồng Hàn Phần thì mưa to gió lớn, sấm chớp đùng đoàng, dây thừng khiêng bị đứt và không thể tiến hành chôn cất được. Thấy thế, con cháu bảo nhau tạm để cụ ở đó mà ra về, đến sớm ngày mai ra chôn cất. Sáng sau, khi mưa tạnh gió hòa, tất cả họ

hàng thân thích ra chỗ để thi hài của cụ đêm trước thì đã thấy mỗi đùn cao thành đống mồ. Tất cả cho rằng trời cho mảnh đất thiêng nên cứ thế đắp thành mộ, gọi là mộ thiên táng.

Cuối cùng là các bô lão và dân làng được xếp theo thứ tự các cụ áo đỏ đi trước, kế tiếp là các cụ áo xanh rồi đến các cụ bà và đông đảo khách thập phương cùng dân làng vào tham dự đám rước. Cũng phải kể đến hai ông hỏa diệm đội nón đỏ, quần áo dài tay cầm cờ, mỗi ông chịu trách nhiệm một nửa đoàn rước để đốc thúc hay kiểm chế đoàn rước đi đúng nhịp. Cứ như thế đoàn rước đi từ đình qua các ngõ lớn của làng và cuối cùng là đến chùa để tập trung cho việc tế lễ. Tất cả người và các đồ vật trong đám rước với đủ mọi màu sắc, trang phục kéo dài vài trăm mét, tất cả đã tạo nên một không khí náo nhiệt vui tươi, phá vỡ sự yên ả tĩnh mịch của làng quê thơ mộng vốn có lâu nay.

Trong không khí náo nhiệt ấy có một chi tiết không thể không nhắc đến hai vị truyền thanh di động, một nam và một nữ có giọng nói hay, họ được chuẩn bị đầy đủ, ăn mặc chỉnh tề đi theo đoàn rước vừa đi vừa giới thiệu về hội làng, về truyền thống quê hương và nét đẹp văn hóa hội làng 2016 bằng loa phát thanh di động, như muốn quảng bá tới du khách thập phương đến chơi hội. Từng đoàn rước cứ nối đuôi nhau đi trong tiếng kèn trống nhộn nhịp, xen lẫn tiếng reo hò của người dân địa phương tất cả đều chung một niềm vui khôn xiết mà bất cứ du khách nào đến với lễ hội Vọng Nguyệt đều có thể nhận thấy.

Cũng không quá khi nói rằng đám rước là một hiện tượng văn hóa tổng thể nhất bởi nó vùng quê vốn quanh năm yên ả nay đã trở dậy, sôi nổi, vừa nghiêm trang, vừa vui vẻ tạo cho bất cứ ai mỗi khi đến với hội Vọng Nguyệt đều cảm thấy vui tươi, phấn khởi khi được sống trong không khí của lễ hội.

2.2.2. Tế lễ

Tế lễ là nghi thức quan trọng nhất của hội làng, đây là lúc dân làng thực hiện các nghi lễ dâng lễ vật lên, bày tỏ lòng biết ơn với các ngài và báo cáo công việc của một năm vừa qua. Đồng thời cũng biểu thị mong ước của mình trong một năm tới.

Người chủ tế đã được lựa chọn từ trước đó, và có bốn bô lão làm bồi tế, các vị bồi tế đứng dưới người tế chủ và cứ trông thế mà lễ theo. Còn có hai người Đông xướng và Tây xướng đứng bên cạnh hương án bày đài rượu để xướng lễ. Lại có hai người đứng hai bên người tế chủ để dẫn người tế chủ khi ra khi vào và trợ xướng khi tế chủ đã vào chiếu xong. Còn phải mười người đứng hai bên vào chấp sự, hoặc dâng hương, hoặc dâng rượu... Trước chỗ hương án trải bốn chiếu tế: thứ nhất là chiếu thần vị, thứ nhì là chiếu tế chủ thụ tộ, thứ ba là chiếu ngôi tế chủ, thứ tư là chiếu bồi tế. Lúc gần tế từ người chủ tế đến các chấp sự ai nấy đều mặc quần áo thụng, đội mũ, đi hia chỉnh tề đứng xếp hàng hai bên. Người đánh trống rung xong ba hồi trống tế thì người Đông xướng, xướng:

Khởi chinh cổ, thì có hai người chấp sự đi vào chỗ giá chiêng giá trống, một người đánh ba hồi chiêng, một người đánh ba hồi trống, rồi mỗi bên đánh thêm ba tiếng nữa mới vái một vái mà lui ra.

Nhạc sinh tỵ vi, thì phường bát âm tài tử, kéo nhị, thổi sáo, gảy đàn và bọn đồng văn đánh trống lên rầm rĩ một lúc mới thôi.

Củ soát tế vật thì hai người, một người cầm một cây nến, một người cầm một cái đế cắm và một bó hương, dẫn người tế chủ vào nội điện xem xét đồ lễ có được thành kính hay thiếu thứ gì chẳng. Sau khi chủ tế cùng hai ông phụ tế đã vào cung chuẩn bị lễ vật đầy đủ rồi thì bắt đầu tế. Đến lúc xong dân làng theo thứ tự vào làm lễ.

2.2.3. Trò chơi, diễn xướng dân gian trong lễ hội

Giữa tiết trời ấm áp, lòng người phơi phới cùng nhau đi hội cầu mong một năm mới an lành hạnh phúc và trong ngày hội vui ấy không thể thiếu được các trò chơi, trò diễn dân gian dân gian. Các trò chơi này không chỉ có ý nghĩa giải trí mà đằng sau đó là những ý nghĩa tâm linh, ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Đó là món ăn tinh thần không thể thiếu của mỗi người dân Vạn Nguyệt, mà cao hơn thế các trò chơi, trò diễn dân gian còn ẩn chứa những giá trị vô cùng to lớn đó là nét văn hóa độc đáo trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Trong lễ hội năm 2016 ngoài các nghi lễ được tổ chức rất trang nghiêm thì các trò chơi, trò diễn dân gian cũng được tổ chức rất phong phú và đa dạng.

Đánh đu: Là một vùng sản xuất nông nghiệp với tín ngưỡng phồn thực cầu cho mùa màng bội thu, sinh năm đẻ mười thì trong lễ hội điều đó lại được thể hiện qua các trò chơi. Trước hết phải kể đến đánh đu. Đây là trò chơi dân gian phổ biến nhất trong hầu hết các hội làng. Từ những ngày trước khi lễ hội Vạn Nguyệt diễn ra ban tổ chức đã phân công người đi tuyên chọn mua tre để dựng cột đu. Có thể nói đánh đu là một trò chơi rất mạo hiểm và đòi hỏi người chơi phải thật bình tĩnh, có đủ sức khỏe và có lòng dũng cảm. Có nhiều cách đu nhưng hiện nay phổ biến nhất vẫn là đu đơn và đu đôi. Đu đơn là đu một người, đu đôi là đu hai người, đẹp nhất và thích thú nhất, hấp dẫn nhất là đu đôi nam, nữ. Sự nhẹ nhàng duyên dáng của người con gái kết hợp với sự cứng cáp khỏe mạnh của người con trai đã tạo nên một vẻ đẹp tuyệt vời như trong bài thơ của Hồ Xuân Hương xưa:

Bốn mảnh quần hồng bay phấp phới

Đôi hàng chân ngọc đuổi song song.

Ở trò đánh đu người xưa còn gửi gắm một ý nghĩa tâm linh rất quan trọng đó chính là ước mong phồn thịnh, mong sự sinh sôi nảy nở đối với mùa

màng, con người và vạn vật xung quanh. Trời và đất cũng giống như nam và nữ là những tượng trưng cho âm và dương. Trong trò chơi đánh đu thì có một cặp trai gái bước lên cây đu rồi đu lên trời là sự kết hợp hài hòa giữa âm và dương, người ta cũng tin rằng con người làm thế nào thì cỏ cây trời đất cũng làm như thế. Bởi vậy đây chính là cách thể hiện nguyện vọng của người dân mong trời yên, vật thịnh mùa màng bội thu.

Đấu vật: Không chỉ có trò chơi đánh đu đấu vật cũng là một trong những trò chơi có ý nghĩa tâm linh sâu sắc. Trước khi lễ hội Vọng Nguyệt diễn ra ba ngày ban tổ chức đã cử người chuẩn bị sỏi vật để phục vụ cho hội làng. Sỏi vật thường có hình tròn và trên nền sân hình vận động vuông của làng, một số nơi thì đặt trước sân đình. Đó không phải là sự sắp xếp ngẫu nhiên mà đều có những ý nghĩa sâu sắc của nó, bởi vuông và tròn theo quan niệm của người Việt ta là hai hình toàn vẹn. Hình tròn tượng trưng cho trời cho tính dương, hình vuông tượng trưng cho đất cho tính âm, âm và dương đặt cạnh nhau là sự kết hợp hài hòa trọn vẹn và mang lại những điều tốt đẹp. Hơn thế nữa hình tròn cũng là biểu tượng của mặt trời, các đô vật nam biểu trưng cho tính dương. Bởi vậy ông cha ta từ xưa không coi đấu vật là trò chơi đơn thuần, mà đó là hình thức để tôn vinh sức mạnh dương tính, thông qua trò chơi này mà người dân mong sao cho dương vượng để cho mưa thuận gió hòa, cây cối mùa màng tốt tươi.

Những người tham gia đấu vật tin rằng nếu chiến thắng trong các trận đấu vật sẽ được thần linh che chở cho mình và gia đình mình. Đó là niềm tin tâm linh vượt lên cả những phần thưởng vật chất. Sự vinh dự không chỉ của riêng người chiến thắng mà còn của cả một dòng họ, một gia đình.

Đấu vật là một trò chơi dân gian mang tinh thần thượng võ, và không thể thiếu trong lễ hội. Trò chơi này không chỉ cần sức khỏe mà sự mưu trí cũng

góp phần đáng kể để chiến thắng đối phương. Những miếng đánh hay, kịch tính cũng làm cho keo vật trở nên hấp dẫn và thu hút đông đảo người xem nhất trong các trò chơi ở lễ hội. Có thể nói sức hấp dẫn của trò chơi không chỉ ở chính trò chơi mà còn ở ý nghĩa tâm linh của trò chơi đó. Các trò chơi đã mang tính thiêng khi thông qua đó con người muốn gửi gắm những mong ước của mình tới các lực lượng siêu nhiên và ý nghĩa ấy chính là phần hồn đã tạo nên sức sống lâu bền cho những trò chơi dân gian trong lễ hội ngày xuân.

Chơi cờ người: Cờ người là trò chơi thể hiện trí tuệ, đó là tên gọi của môn cờ tướng. Cờ người gồm 32 quân, mỗi bên 16 quân. Chơi cờ người cũng vẫn là luật lệ của cờ tướng mỗi quân là người thật và bàn cờ là khoảng sân rộng, đủ cho đường đi nước bước cho đủ 32 người. Lễ hội Vọng Nguyệt Năm nay ban tổ chức đã tiến hành kẻ vẽ bàn cờ tại sân đình của làng. Tướng nam gọi là tướng ông trang phục đen hoặc xanh, tướng nữ là tướng bà trang phục đỏ hoặc vàng. Các quân cờ người thường mặc áo rực rỡ và đeo biểu tượng của mình thủ vai ở trước ngực và sau áo để người xem có thể theo dõi ván đấu. Khác với các trò chơi đánh đu và đấu vật, chơi cờ người đòi hỏi có sự chuẩn bị kỹ càng nhất là hai tướng. Sau khi đã chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt các quân và tướng tiến về đình làm lễ ở đó các bô lão trong làng sẽ cầu xin cho một sự hanh thông, cho buổi đấu được diễn ra suôn sẻ. Sau phần nghi lễ những quân cờ ra sân đình để thi đấu, việc quan sát các quân cờ trên một bàn cờ lớn như vậy là rất khó, điều này đòi hỏi mỗi người chơi phải có tầm bao quát rộng, tập trung và bình tĩnh để có những nước cờ hay đầy mưu lược. Cùng với các trò chơi dân gian khác trò chơi cờ người đã mang lại sự hấp dẫn và lôi cuốn đặc biệt và đã trở thành một nét sinh hoạt rất tao nhã trong lễ hội. Bên cạnh cờ người thì ban tổ chức cũng sắp xếp các bàn cờ tướng để du khách và dân làng có thể dễ dàng tham gia tranh tài đấu trí cao thấp. Và sau mỗi cuộc thi tài đó ban tổ chức đều có các giải thưởng lưu niệm cho người

chiến thắng như cờ, phích nước, chậu nhựa... tất cả những giải thưởng ấy tuy không có giá trị cao về mặt kinh tế nhưng nó lại mang những giá trị tinh thần vô cùng to lớn.

Bắt vịt: Đây là trò chơi dân gian được tổ chức phổ biến ở các làng ven sông. Bên cạnh việc mang lại sự giải trí cho những người tham gia thì nó cũng mang nhiều giá trị tâm linh như cầu may, cầu lộc cho mùa màng bội thu. Đây là một trò chơi phổ biến ở các làng dọc sông cầu, chứ không riêng làng Vọng Nguyệt. Trước khi ngày hội diễn ra ban tổ chức đã tiến hành chọn lựa những con vịt nhanh nhẹn để phục vụ lễ hội, vịt được chọn lựa thường rất nhanh và khỏe nhất là vịt đồng không bị vây nhốt. Địa điểm diễn ra trò chơi bắt vịt là ao của làng. Hiện nay ao làng được quy hoạch rất khang trang có tường bao bốn xung quang là xây gạch. Nếu như trước đây tổ chức trò chơi bắt vịt là làng phải cử ra các đội ở các xóm để tranh tài. Thì nay việc tổ chức lại rất đơn giản, sau khi ban tổ chức đã chuẩn bị hoàn tất các công việc. Tất cả nhóm thanh niên vào vị trí chuẩn bị lúc này vịt đã được thả xuống ao, hiệu lệnh của ban tổ chức phát ra cả thủy đội thanh niên cùng nhảy xuống bắt. Mọi người hồ hởi cổ vũ những ai bắt được một con bằng một tràng pháo tay thật lớn. Ở trò chơi này đòi hỏi người chơi có sức khỏe, tài bơi giỏi, tài phán đoán và quan sát nhanh tay nhanh mắt. Không khí trò chơi càng náo nhiệt hơn bởi những tiếng reo hò và tiếng trống hội, một không gian nhộn nhịp phá vỡ sự tĩnh lặng của ngày thường. Đó cũng là một trong những trò chơi tạo nên tính hấp dẫn của hội làng.

Hát Quan họ: Hát Quan họ là một nét sinh hoạt văn hóa đặc sắc của hầu hết các lễ hội ở các làng quê Bắc Ninh. Ở Vọng Nguyệt cũng vậy diễn xướng Quan họ trong lễ hội cổ truyền đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân nơi đây. Có hai địa điểm diễn ra hát Quan họ cụ thể như sau:

Hát ngoài trời. Hát ngoài trời có hai loại đó là hát trên bộ và hát dưới thuyền. Hát hội là hình thức ca cầu vui, chủ yếu hát ở trung tâm hội làng. Chính vì là hát cầu vui, nên những lúc ca mua vui mà người ta gọi là hát hội. Hát hội là hình thức thu hút nhiều lực lượng Quan họ tham gia nhất. Trong hát hội lễ lời quy định là: Hát trên bộ: Từng cặp bọn Quan họ từng cặp tìm địa điểm thích hợp đứng, hoặc ngồi ngoảnh mặt vào nhau mà hát. Hát dưới thuyền: Ban tổ chức lễ hội chuẩn bị một chiếc thuyền có người chèo, hát trên thuyền thường diễn ra trên ao đình làng. Trong hát hội bắt buộc phải là hát đôi, đôi nam ca đối đáp với đôi nữ. Ở hát hội thực hiện nguyên tắc "âm xướng dương họa" nghĩa là bên nam bao giờ cũng phải nhường phần cho bên nữ ra câu trước. Quy trình như sau: Nữ (ra)- nam (đôi)... Về hình thức quy trình này tương tự giống hát canh, song thực ra có điểm khác nhau cơ bản là trong một canh hát của một cuộc hát canh đôi nam nào ca đối đáp với đôi nữ nào thì ca từ đầu cho đến hết canh. Còn như ở hát hội thì các đôi nam và đôi nữ thay nhau hát góp vui.

Mở đầu hát hội là câu ca mời giầu, mời nước, đã là hát mời giầu mời nước ở hội thì phải có giầu và nước thật. Sau câu mời nước mời giầu, đôi bên ca đối đáp các giọng thuộc hệ thống giọng lẻ, giọng vặt (giao duyên). Riêng hát dưới thuyền thì chủ yếu là các giọng lẻ, giọng vặt có nội dung về sông nước. Ví như các giọng Ngồi tựa mạn thuyền- ngồi tựa song đào...Cuối cùng là các giọng giã bạn.

Hát trong nhà. Hát thờ trong đình, đền, chùa. Hình thức ca Quan họ trong đình, chùa, đền ngày hội là loại hình hát thờ. Hát thờ (nói đầy đủ ý là hát Quan họ thờ) thực chất là hình thức Quan họ tham gia vào phần lễ trong ngày hội. Những câu ca trong hát thờ là thay thế cho những lời cầu khẩn, ca ngợi công đức của thần và cầu thần phù hộ cho dân làng an khang mùa màng

bội thu, cây đa thêm tốt, giếng nước thêm trong. Chẳng hạn câu la rắng trong hát thờ "Chúc mừng thượng đẳng tối linh":

Chúc mừng thượng đẳng tối linh(Anh hai ơi)

Người phù trì dân xã hiển vinh sang giàu...

Khi hát thờ người ta ca các giọng lời cơ bản như: La rắng, tình tang, cái ả, cây gạo...song chủ yếu vẫn là sử dụng giọng la rắng, không được ca các giọng lẻ, giọng vật và giọng già bạn [36, tr. 65-70].

Trong không khí vui tươi ngập tràn của ngày hội làng cùng với các trò chơi dân gian hoạt động trình diễn Quan họ đã góp phần tạo nên thành công của lễ hội. Đó chính là nét văn hóa độc đáo của lễ hội Vọng Nguyệt và nó còn chảy mãi trong lòng người dân các thế hệ hôm nay và mai sau. Nói đến đây mỗi người con của đất Kinh Bắc lại không khỏi tự hào về một loại hình nghệ thuật dân gian đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại Dân ca Quan họ Bắc Ninh (30-09-2009).

2.2.4. Ăn uống cộng cảm

Bên cạnh đám rước, các trò chơi, trò diễn dân gian thì bữa ăn cộng cảm trong ngày hội làng có một ý nghĩa hết sức đặc biệt. Trong các ngày hội làng Vọng Nguyệt thì ban tổ chức trước đó đã họp và cắt cử người đi mua bán, làm cỗ chuẩn bị chu đáo cho ngày hội làng. Năm nay lượng khách thập phương và dân làng tham dự đông hơn vì ngày hội trùng với việc khánh thành đình làng nên số mâm cỗ được làm nhiều hơn đầy đủ hơn (theo anh Ngô Văn Cường một người phụ trách hậu cần thì năm nay ban tổ chức chuẩn bị 50 mâm cỗ để chuẩn bị cho ngày sau khi rước và tế lễ). Cỗ nhân có câu "*miếng giữa làng , sàng thít mua*". Miếng ăn ở làng không phải vì ngon hơn hay nhiều hơn ở nhà mà vấn đề chính ở đây đó chính là danh dự, vị trí và vai vế của người được ăn. Chính vì lẽ đó mà bữa ăn trong ngày hội làng lại trở nên hết sức ý nghĩa

và quan trọng với mỗi thành viên của làng. Nói về ý nghĩa và giá trị của bữa ăn cộng cảm trong ngày hội, tôi xin được dẫn giải hai cách phân tích sâu sắc và chính xác về bữa ăn ngày hội không chỉ có ở lễ hội làng Vọng Nguyệt mà có ở hầu khắp các làng quê như sau:

Trong sinh hoạt xã thôn mà chúng ta đã biết mỗi làng là một khu tự trị ở trong phạm vi quốc gia, đối với nhà nước chỉ cần làm trọn vẹn nghĩa vụ nộp sưu thuế, làm giao dịch ngoài ra có thể tự do xử trí công việc trong làng nhà nước không can thiệp đến. Một vấn đề mà người làng quan trọng nhất là vấn đề ngôi thứ, khi làng họp ở đình để bàn việc công hay để ăn cỗ sau khi tế thần thì người nào phải theo ngôi ấy mà ngồi, nếu ngôi sai thứ tự thì làng bắt vạ. Ở nhà quê người ta thường tranh nhau "ăn trên, ngồi trước" rất kịch liệt. Câu tục ngữ một miếng giữa làng bằng sàng sớ bép đủ miêu tả xác đáng cái tinh thần tranh ngôi thứ ở hương thôn [2, tr. 89]

Người xưa nói: "*Triều đình trọng tước, hương ước trọng xỉ*". Trong chốn đình chung thì việc bố trí sắp xếp chỗ ngồi được tiến hành từ trong gia ngoài. Vị trí trang trọng nhất là gần ban thờ thần đó là vị trí của cụ thượng thọ, và theo sau đó là các vị trí các tuổi tiếp theo, từ người cao tuổi đến người thấp tuổi hơn. Chỉ cần nhìn vào đình những ngày này chúng ta có thể biết được ai là người cao tuổi nhất và được trọng vọng nhất làng. Với các mâm cỗ cũng vậy dù anh là một người làm quan to ở ngoài nhưng đã về làng anh cũng chỉ được ngồi cùng những người cùng tuổi như anh, đó là một điều bất di bất dịch chứ anh ta không có quyền lên ngôi mâm các cụ "sống ở làng sang ở nước là như vậy". Cũng ở đây người nghèo hèn thấp kém cũng được an ủi, bởi anh dù không có địa vị gia sản nhưng đến đây anh bằng vai phải lứa với rất nhiều người trong làng, bởi anh bằng tuổi với họ. Đó chính là sự tự hào bởi dù anh không có của cải vật chất nhưng tuổi anh cao. Cái gọi là tiến thân theo lớp tuổi chính là như thế. Ở đó người ta thấy mình được bao bọc, che chở và tôn

trọng trong cộng đồng, được an ủi trước những khó khăn của cuộc sống. Vì vậy họ có thể sẵn sàng làm tất cả để giữ vững cái cộng đồng mà ở đó họ là thành viên. Có lẽ nhờ đó mà cái cộng đồng làng lại được củng cố và giữ vững chắc hơn sau mỗi lần làng tổ chức hội hè đình đám. Giá trị của bữa ăn cộng cảm trong ngày hội là như vậy [48, tr. 102].

Phần lớn ở hầu hết các làng dọc sông Cầu đều có tục kết chạ, giao lưu giữa các làng với nhau vì vậy cứ mỗi dịp hội làng là người ta lại tiến hành mời khách và chuẩn bị cỗ một cách tươm tất nhất. Nếu như trước đây do điều kiện kinh tế còn khó khăn và thiếu thốn thì việc tổ chức ăn uống rất đơn giản thì nay việc chuẩn bị làm cỗ được chuẩn bị khá kỹ lưỡng, từ việc cắt cử người mua bán, người nấu cỗ, người tiếp đón.... Cùng với không khí vui tươi của đám rước, trang trọng trong tế lễ thì bữa ăn cộng cảm trong ngày hội đã góp phần quan trọng vào việc tạo nên thành công của hội làng Vọng Nguyệt năm nay.

2.2.5. Kết thúc hội, rã đám

Sau hai ngày diễn ra lễ hội trong không khí phấn khởi vui tươi, đến ngày 13 tháng Hai, người ta lại tiến hành lễ tế tạ để đóng hội để sau đó tiến hành rước thần hồi cung. Lễ hội Vọng Nguyệt 2016 đã đi qua để lại trong lòng những người dự hội biết bao dư âm, cảm xúc, khó quên... để rồi: *Bâng khuâng, nhớ mãi không nguôi...*

Tiểu kết chương 2

Có thể nói lễ hội làng Vọng Nguyệt là một trong những lễ hội độc đáo của vùng đất Yên Phong nói riêng và Bắc Ninh nói chung. Qua lễ hội chúng ta thấy hiện lên một bức tranh tổng thể về văn hóa và con người Vọng Nguyệt. Cùng với sự phát triển về kinh tế xã hội của Yên Phong những năm gần đây cũng đã tác động ít nhiều đến lễ hội năm nay cả về nội dung và hình thức. Chính vì vậy mà việc tìm hiểu những giá trị văn hóa của lễ hội làng Vọng Nguyệt và những tác động của nó đến đời sống người dân sở tại có một ý nghĩa hết sức to lớn trong công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trong xã hội đương đại. Đó cũng chính là những cơ sở khoa học để có thể tham vấn cho các nhà quản lý văn hóa cơ sở, sao cho có những quyết sách phù hợp nhất với các di sản văn hóa của địa phương.

Chương 3

LỄ HỘI VỌNG NGUYỆT TRONG ĐỜI SỐNG CỘNG ĐỒNG

3.1. Những ảnh hưởng của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng

3.1.1. Tác động đến lĩnh vực kinh tế

Lễ hội xưa diễn ra theo lối trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ, thì bây giờ chúng ta cũng phải thừa nhận là lễ hội mang lại nguồn nguồn lợi vật chất rất lớn, tác động đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

Có thể thấy lĩnh vực kinh tế chịu tác động sâu sắc nhất từ các hoạt động của lễ hội. Anh Chu Văn Hùng một hộ kinh doanh tạp hóa ở thôn cho biết: "*Lượng hàng để phục vụ bày bán trong những ngày hội gấp rất nhiều lần ngày thường, nhất là các đồ hàng mã để thờ cúng*". Các mặt hàng khác cũng tiêu thụ rất lớn do nhu cầu của người dân tăng cao. Chẳng thế mà hoạt động mua bán ở chợ làng diễn ra rất nhộn nhịp, người mua kẻ bán đông như mắc cửi. Lễ hội đã tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, là dịp để bán và quảng cáo sản phẩm của nhà sản xuất. Ở một góc độ khác thì người dân cũng có cơ hội mua sắm, trao đổi các sản phẩm của địa phương.

Mỗi dịp làng mở hội là không khí mua sắm lại diễn ra một cách náo nức như người dân Vọng Nguyệt nơi đây. Họ nghỉ cả năm làm lụng vất vả hiếm khi có dịp nông nhàn để không những nghỉ ngơi vui chơi mà đây còn là dịp để mời bạn bè xa gần về thăm quê hương, thăm cửa nhà và dự hội. Bởi thế từ rất nhiều ngày trước một số gia đình đã chuẩn bị lợn, gà, vịt.. để ngày hội làng đãi khách. Họ mua sắm rất nhiều so với ngày thường, ai cũng chỉ một suy nghĩ là thật đủ và hoành tráng, kể cả ngày mai chi tiêu kém đi. Qua trao đổi với cụ Chu Văn Mạnh một người dân thôn Vọng Nguyệt năm nay đã

ngoài 80 tuổi cụ nói: "Hội làng giờ đây to hơn trước rất nhiều, không chỉ về nghi lễ mà ngay cả trong bữa ăn và chi tiêu của mỗi nhà trong ngày hội.

Như vậy những tác động tích cực của lễ hội đến lĩnh vực kinh tế mà chúng ta có thể thấy là khá rõ. Cũng cần phải nói thêm là lễ hội cũng gây ra một số tác động tiêu cực đến nền kinh tế đó là tình trạng lãng phí thời gian và tiền bạc cho lễ hội do lễ hội kéo dài, bên cạnh đó cũng gây nên những hệ lụy về giao thông...

3.1.2. Tác động đến lĩnh vực văn hóa xã hội

Lĩnh vực văn hóa xã hội là một mặt quan trọng của đời sống cộng đồng, lễ hội không chỉ tác động đến các hoạt động kinh tế mà nó còn tạo cho người dân những sinh hoạt văn hóa tinh thần phong phú và đa dạng hơn so với những ngày thường. Người dân được hòa mình trong một không gian văn hóa tổng thể nhất với các trò chơi, trò diễn dân gian... Lễ hội cũng là nơi mà các hoạt động văn hóa truyền thống, các giá trị văn hóa được tái hiện khá rõ, điều này tạo ra ảnh hưởng lớn trong việc tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư hiện nay.

Bên cạnh đó cũng cần phải đề cập đến một phương diện của lễ hội đó là tình trạng bói toán, mê tín dị đoan hay tình trạng đốt vàng mã, cờ bạc, rượu chè... cũng gây ảnh hưởng khá lớn đến đời sống xã hội của đại bộ phận các tầng lớp nhân dân. Hiện tượng này diễn ra khá phổ biến trong các lễ hội dân gian hiện nay. Đặc biệt là ở Bắc Ninh hiện nay khi mà một năm có đến trên 400 lễ hội lớn nhỏ diễn ra. Cũng chính vì thế mà ngăn chặn và đẩy lùi các hiện tượng văn hóa trên cũng trở nên hết sức khó khăn, phần do cơ chế quản lý còn lỏng lẻo, phần do lực lượng quản lý còn mỏng, còn thiếu các nguồn kinh phí chưa đáp ứng đủ những yêu cầu trong điều kiện thực tiễn hiện nay.

3.2. Giá trị văn hóa của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng

Lễ hội làng Vọng Nguyệt năm 2016 đã đi qua để lại trong lòng du khách và người dân rất nhiều hình ảnh đẹp về những nét sinh hoạt trong đời sống văn hóa của cộng đồng làng xã Bắc Ninh hôm nay. Giá trị của lễ hội làng Vọng Nguyệt có thể khái quát bằng các nét tiêu biểu dưới đây:

3.2.1. Giá trị cố kết cộng đồng

Hội làng là dịp biểu dương sức mạnh tổng thể của một làng, tạo nên tính đoàn kết gắn bó giữa các thành viên trong làng. Ta có thể thấy được điều đó rất rõ qua đám rước hội làng Vọng Nguyệt 2016. Ở đó ta thấy được sự tập trung cao độ, cộng cảm giữa các thành viên các tầng lớp, các lứa tuổi trong làng đã có lúc hội huy động cả trăm người vào tổ chức và phục vụ lễ hội... Tất cả vì mục đích chung là tổ chức thật chu đáo lễ hội làng mình, đó là một niềm vinh dự, niềm tự hào rất lớn của cả làng.

Đã thành thông lệ từ ngàn đời xa xưa lễ hội làng là một sự kiện, một hoạt động văn hóa không thể thiếu đối với người dân làng Vọng Nguyệt. Tất cả đều xuất phát từ những nhu cầu của cuộc sống, sự tồn tại của làng, sự bình yên và hạnh phúc của mỗi gia đình, sự vững mạnh và hưng thịnh của từng dòng họ.... với một mong ước chung cho cả làng đó là *nhân khang vật thịnh*. Tính cộng đồng trong lễ hội làng xuất phát từ đời sống kinh tế nông nghiệp. Ở Bắc Bộ chúng ta nói chung về điều kiện tự nhiên đã hình thành nền nông nghiệp với trình độ thâm canh rất cao, đòi hỏi tính cộng đồng rất lớn trong sản xuất và chế ngự thiên nhiên. Ở lễ hội làng Vọng Nguyệt hôm nay ta còn bắt gặp rất nhiều du khách thập phương, hay những người con xa quê cùng dự hội để hòa mình vào chung không khí vui tươi của hội làng.

Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay ở Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng khi mà cái cá nhân, cái cá tính của con người được khẳng định rất lớn nhưng không vì thế mà tính cộng đồng bị phá vỡ, mà nó chỉ biến đổi một số sắc thái. Bởi lẽ con người vẫn phải nương tựa vào cộng đồng và có nhu cầu cố kết cộng đồng. Nhu cầu cố kết cố kết cộng đồng luôn là một trong những nhu cầu lớn thường trực trong mỗi cá nhân trong đời sống xã hội hiện nay.

3.2.2. Giá trị hướng về cội nguồn

Mỗi khi chúng ta nhắc đến lễ hội dân gian truyền thống là nhắc đến sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, nhắc lại một nét văn hóa từ xa xưa. Lễ hội dân gian đã hình thành và phát triển như một di sản văn hóa phi thể của dân tộc.

Nhắc đến lễ hội truyền thống là nói đến làng, văn hóa làng, nơi sản sinh ra hội làng. Làng là nơi tích tụ toàn bộ tài sản của đất nước. Trước hết đó là kho vô tận về tài nguyên như ruộng đất, sông ngòi, núi non... Làng còn là kho vô tận về người lực lượng chính trong sản xuất lương thực thực phẩm cho xã hội, bên cạnh đó còn cung cấp lực lượng dân công quân đội cho đất nước. Cũng như vậy làng nông thôn còn là nguồn tài chính bất tận của quốc gia hằng năm, và duy trì sự tồn tại và sức mạnh cho nhà nước.

Nói đến cội nguồn là nói đến một vùng và các vùng địa lý cụ thể với các cảnh quan kỳ thú do tạo hóa ban tặng như các hang động núi non hùng vĩ. Đó là cội nguồn thiên nhiên của lễ hội. Các phong tục tập quán của nhân dân đều lần lượt hình thành từ làng qua rất nhiều thế hệ. Rồi qua từng tháng từng năm đã tạo nên những giá trị văn hóa đặc thù mang bản sắc riêng của từng vùng miền, của dân tộc. Đó là cội nguồn văn hóa của lễ hội [43, tr.213].

Trong các lễ hội dân gian thì hướng về cội nguồn là một trong những giá trị cơ bản. Đó là nguồn cội tự nhiên mà con người từ đó sinh ra và nay vẫn là

một bộ phận hữu cơ; nguồn cội cộng đồng như dân tộc, đất nước, xóm làng, tổ tiên, nguồn cội văn hóa.... Đã từ xa xưa đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây không chỉ là lời nói mà đã trở thành tâm thức của mỗi người dân ở các làng quê Việt Nam.

Trong lễ hội làng Vọng Nguyệt thì giá trị hướng về cội nguồn thể hiện ở chỗ tái hiện các hoạt động văn hóa truyền thống. Thông qua diễn trình lễ hội mọi người dân tham dự và cùng hướng về các giá trị lịch sử của những người khai sinh và làm dạng danh vùng đất Vọng Nguyệt như chuyện bà ‘thí thóc’ là một điển hình. Tính tự hào trong việc tổ chức các hoạt động lễ hội được thể hiện khá rõ. Hướng về cội nguồn cũng chính là cách giáo dục những nhận thức sâu sắc về tình yêu quê hương đất nước nó có một ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng nông thôn mới ở Bắc Ninh hiện nay.

3.2.3. Giá trị cân bằng đời sống tâm linh

Trong xã hội hiện tại với nhịp sống công nghiệp, các hoạt động của con người dường như được chương trình hoá với nhịp hoạt động của máy móc, căng thẳng và đơn điệu, ồn ào và chật chội. Một đời sống như vậy tuy có đầy đủ về vật chất nhưng khô cứng về đời sống tinh thần và tâm linh, một đời sống chỉ có dồn nén, chật tự mà thiếu sự cởi mở. Tất cả những cái đó hạn chế khả năng sáng tạo văn hóa của con người.

Đời sống hàng ngày vất vả và cực nhọc đã tạo ra cho bon người biết bao căng thẳng và âu lo. Người ta phải tìm lại sự cân bằng trong việc đi chùa, lễ đền, dâng hương cầu thần linh. Việc làm ăn trần tục luôn cần sự bảo trợ của thần linh. Lúc này hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và sinh hoạt lễ hội sẽ thỏa mãn nhu cầu tâm linh của họ. Con người trong lễ hội được thanh thoi hơn, thay vì sự lam lũ thường nhật, người ta được ăn ngon, mặc đẹp, được thăng

hoa trong lễ hội, được sống trong một không gian thiêng khác với ngày thường.

Có thể nói bên cạnh đời sống vật chất đời sống tinh thần, tư tưởng còn hiện hữu đời sống tâm linh. Đó là đời sống của con người hướng về cái cao cả thiêng liêng- chân thiện mỹ- cái mà con người ngưỡng mộ, ước vọng, tôn thờ, trong đó có niềm tin tôn giáo tín ngưỡng. Như vậy, tôn giáo tín ngưỡng thuộc về đời sống tâm linh, tuy nhiên không phải tất cả đời sống tâm linh là tôn giáo tín ngưỡng. Chính tôn giáo tín ngưỡng, các nghi lễ, lễ hội góp phần thỏa mãn nhu cầu đời sống tâm linh của con người.

Trong ngày hội làng con người dự hội cảm nhận rõ mình đang được sống với tinh hoa của lễ hội. Chính trong không khí của hội làng như vậy người ta sẽ bị cuốn hút vào niềm say mê tột cùng trong việc thể hiện khả năng của bản thân mà chỉ ở hội làng mới có dịp bộc lộ thể hiện mình.

Những hoạt động ấy đã ghi dấu ấn tâm linh sâu sắc cho mỗi người giữa cộng đồng mình đang sống. Sự cân bằng trong đời sống tâm linh chứng minh bởi sự hài lòng của mọi người sau khi dự hội làng.

Tóm lại sự cân bằng đời sống tâm linh nhờ cái thiêng trong lễ hội đã làm cho chính những người lao động thấy được cuộc đời này tốt đẹp hơn dù khoảnh khắc lễ hội thăng hoa chỉ là khoảnh khắc khác thường ngắn ngủi chỉ dăm ba ngày so với cả một năm lao động, song đó là khoảnh khắc giá trị đã tích lũy từ niềm mong đợi cả năm mà chỉ có ở hội làng mới có dịp bộc lộ và được xả ra đúng lúc, nên hiệu quả của nó rất lớn. Nó đã thực sự là một giá trị của hội làng [43, tr. 214].

Trở về với lễ hội Vọng Nguyệt người dân như được tắm mình trong dòng nước mát đầu nguồn của văn hóa dân tộc, tận hưởng những giây phút thiêng liêng, được sống trong sự giao cảm hồ hởi đầy tính cộng đồng, người

dân được phô bày tất cả những gì là tinh túy nhất của bản thân thể hiện qua các cuộc thi tài qua các hình thức trình diễn nghệ thuật... Tất cả đó là trạng thái thăng hoa từ đời sống hiện thực, vượt lên trên đời sống hiện thực. Nói một cách khác lễ hội thuộc về phạm trù cái thiêng của đời sống tâm linh, đối lập và cân bằng với đời sống trần tục và điều đó cũng là yếu tố quan trọng làm nên giá trị của hội làng hiện nay.

3.2.4. Giá trị sáng tạo và thụ hưởng văn hóa

Lễ hội là một hình thức sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của cộng đồng mà chủ thể sáng tạo chính là những người nông dân. Chính họ đã tổ chức tái hiện lại cuộc sống nông nghiệp bằng các loại hình nghệ thuật dân gian như các trò chơi, trò diễn ... để sau đó chính họ lại là những người thụ hưởng văn hóa đó. Cho nên trong hội làng tinh thần bình đẳng và dân chủ được thể hiện khá đậm nét, chính điều đó đã làm cho không khí của ngày hội trở nên thoải mái hơn hấp dẫn hơn.

Lễ hội thường tổ chức vào mùa xuân, vào những dịp nông nhàn. Mùa xuân cũng là sinh sôi của vạn vật. Vũ trụ cũng đổi mới sau bốn mùa chu chuyển. Mưa nắng thuận hòa làm con người và vật nuôi đều khỏe mạnh. Những người nông dân không bỏ lỡ dịp thiên thời, địa lợi, nhân hòa này để họp mặt nhau để bày tỏ lòng thành kính đến với thần và cầu nguyện được phù trợ cũng như được vui chơi giải trí và giải tỏa và hưởng thụ trong lễ hội.

Trong tiết xuân ấm áp các cửa đình, cửa chùa, cửa đền đều rộng mở khói hương nghi ngút đón mời các cuộc hành lễ. Cờ đại bay phấp phới trên sân đình, cờ hội rực rỡ đủ màu được cắm trên các nẻo đường làng và rồi tất cả âm vang sôi động trong tiếng trống tiếng chiêng đón hội [43, tr. 215]. Con người được nghỉ ngơi thanh thoi tham gia lễ hội. Đặc biệt trong thời điểm mạnh của lễ hội khi mà tất cả mọi người chan hòa trong không khí thiêng liêng, thì các

cách biệt giữa các cá nhân dường như được xóa nhòa. Người dân cùng sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa của mình. Đã vào hội ai cũng sống hết mình trong sáng tạo và thụ hưởng văn hóa. Vì thế sinh hoạt hội làng mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Điều này có phần nào đối lập với đời sống thường nhật của những xã hội phát triển, khi mà phân công lao động xã hội đã được chuyên môn hóa, nhu cầu sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của con người đã phần nào tách biệt.

Đây là chưa kể trong xã hội nhất định, một lớp người có đặc quyền tham vọng "cướp đoạt" các sáng tạo văn hóa cộng đồng để phục vụ lợi ích của riêng mình. Đến như nhu cầu giao tiếp với thần linh của con người cũng tập trung vào lớp người có "khả năng đặc biệt". Như vậy, con người, đứng từ góc độ quảng đại quần chúng, không còn thực sự là chủ thể của quá trình sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa một cách bình đẳng nữa. Xu hướng đó phần nào xói mòn tinh thần nhân bản của văn hóa, làm tha hóa chính bản thân con người. Do vậy, con người trong xã hội hiện đại, cùng với xu hướng dân chủ hóa về kinh tế, xã hội thì cũng diễn ra quá trình dân chủ hóa về văn hóa. Chính nền văn hóa truyền thống, trong đó lễ hội cổ truyền là môi trường tiềm ẩn những nhân tố dân chủ trong sáng tạo và hưởng thụ các giá trị văn hóa ấy.

3.2.5. Giá trị bảo tồn và trao truyền văn hóa.

Lễ hội không chỉ là tấm gương phản chiếu nền văn hóa dân tộc, mà còn là môi trường bảo tồn, làm giàu và phát huy nền văn hóa dân tộc ấy. Cuộc sống của con người Việt Nam không phải lúc nào cũng là ngày hội, mà trong chu kỳ một năm, với bao ngày tháng nhọc nhằn, vất vả, lo âu, để rồi "Xuân thu nhị kỳ", "tháng tám giỗ cha. Tháng ba giỗ mẹ", cuộc sống nơi thôn quê vốn tĩnh lặng ấy vang dậy tiếng trống chiêng, người người tụ hội nơi đình chùa mở hội.

Hội làng cùng đám rước hội làng và các sinh hoạt văn hóa khác của văn hóa làng đã như một bảo tàng sống về văn hóa dân gian. Âm thanh sôi động của hội hè còn được tiếp sức bởi ban nhạc bát âm và đồng văn đệm cho các điệu múa con đĩ đánh bông hay tốp nữ ca cộng lách cách tiếng xênh tiền trên tay, hay cuốn hút hơn nữa như các điệu múa lân, múa rồng như chào đón người dự hội.

Trên bãi hội là các sân chơi dành cho các cuộc đua tài như đấu vật, đánh đu, chọi gà... Đông vui và âm cúng hơn cả phải là nơi vang ngân các làn điệu Quan họ đắm say lòng người trên thuyền. Tất cả những bản hòa tấu chung và tự nguyện đó đã tạo nên bản sắc văn hóa dân tộc đang được thể hiện dưới nhiều hình thức mà chỉ có ở hội làng mới có thể khởi động và lan truyền được [43,tr. 216].

Nơi đó con người hóa thân thành văn hóa, văn hóa làm biến đổi con người, sáng tạo và trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tôi đã nhiều lần tự hỏi nếu như không có nghi lễ và hội hè thì các làn điệu dân ca như quan họ, hát xoan... các trò chơi, trò diễn: Đánh cờ người, đấu vật, đánh đu sẽ được duy trì như thế nào suốt hàng nghìn năm qua. Và như vậy dân tộc và văn hóa dân tộc sẽ đi đâu, về đâu?

Có người nói làng xã Việt Nam là cái nôi hình thành, bảo tồn, sản sinh văn hóa truyền thống của dân tộc, nhất là trong hoàn cảnh bị xâm lược và đồng hóa. Trong cái làng xã nghèo nàn ấy, cây đa bến nước, sân đình và cùng với nó là lễ hội chính là tâm điểm của cái nôi văn hóa đó. Không có làng xã Việt Nam thì cũng không có văn hóa Việt Nam.

Điều này càng cực kỳ quan trọng trong điều kiện xã hội công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, khi mà việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống lại quan trọng hơn bao giờ hết, thì làng xã Việt Nam lại gánh

thêm một trách nhiệm là nơi bảo tồn, làm giàu và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Lễ hội làng Vọng Nguyệt chính là nơi lưu giữ các giá trị văn hóa truyền thống, thông qua lễ hội mà chúng ta có thể hiểu được các giá trị sinh hoạt văn hóa của các thế hệ trước đây và vai trò của lễ hội thông trong xã hội đương đại.

3.2.6. Giá trị thẩm mỹ

Giá trị thẩm mỹ được thể hiện ở cái đẹp đẽ từ trang phục, lễ phục, hoàn thiện, đồng bộ gây được những thiện cảm cũng như sự thỏa mãn của người dân địa phương và du khách dự hội.

Chính vì thế trước khi làng mở hội các bô lão và chính quyền đã họp bàn, sửa soạn, chuẩn bị cho lễ hội từ việc hệ trọng như viết chúc văn đến các việc cắt cử các chân kiệu, chân cơ, nhất nhất đều cẩn trọng.

Về nghi thức từ lễ rước cho đến tế gia quan cùng lễ phục theo chức năng từng loại đều được làm đúng với quy cách định sẵn trong hương ước. Về lễ vật dâng cúng đều có những quy định chuẩn mực về chất lượng. Cử hành đám rước hay tế lễ cũng vậy đều phải tập dượt cho thuần thực quy củ, sao cho thật uy nghiêm và hoành tráng [43, tr. 217]. Tất cả những điều đó đã tạo nên nét đẹp văn hóa trong lễ hội Vọng Nguyệt năm nay.

3.3. Những vấn đề đặt ra từ lễ hội Vọng Nguyệt hiện nay

3.3.1. Công tác tổ chức lễ hội

Lễ hội làng Vọng Nguyệt năm nay diễn ra khá thành công do có sự chuẩn bị khá kỹ lưỡng từ ban tổ chức đến những người dân địa phương. Song bên cạnh đó hoạt động tổ chức vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như công tác bảo đảm an ninh trật tự trước, trong và sau khi diễn ra đám rước, cách sắp

xếp hàng quán tại các điểm tổ chức lễ hội. Hơn nữa nội dung của lễ hội vẫn còn đơn điệu tạo sự nhàm chán cho những người dự hội. Chúng ta hoàn toàn có thể bắt gặp cái mô típ chung chung về lễ hội ở hầu khắp các làng quê đó là, đám rước, tế lễ, và các trò chơi...

3.3.2. Những biến đổi về kinh tế - xã hội

Lĩnh vực kinh tế cũng chịu những tác động không nhỏ của lễ hội truyền thống địa phương, bên cạnh những giá trị gìn giữ các phong tục tập quán của địa phương, bồi đắp ý thức hướng về cội nguồn... thì mặt khác xét trên một chừng mực nhất định thì lễ hội làng Vọng Nguyệt cũng gây lãng phí về kinh tế bởi những chi phí lớn cho lễ hội.

Điều đáng báo động là, không ít hiện tượng thiếu lành mạnh xuất hiện tại một số lễ hội, đã làm phiền lòng du khách như hoạt động xóc thẻ, chèo kéo khách tham gia trò chơi cá cược, nâng giá dịch vụ tùy tiện... và có nguy cơ làm phai mờ, xói mòn những giá trị, bản sắc của các lễ hội truyền thống. Tư tưởng trục lợi, thương mại hóa hoạt động dịch vụ phục vụ lễ hội diễn ra ở không ít nơi làm cho các giá trị vật chất lấn át giá trị văn hóa truyền thống và đạo đức.

Hiện tượng đốt vàng mã đã trở nên khá phổ biến ở trong lễ hội làng theo tín ngưỡng tâm linh "trần sao âm vậy" điều đó không còn trở nên xa lạ trong đời sống chúng ta. Nhưng điều đáng nói ở đây là số lượng vàng mã được đốt ở mỗi dịp hội làng lại rất lớn. Việc đốt cúng vàng mã không chỉ diễn ra trong mỗi gia đình mà ở hầu hết các di tích của làng như đình chùa, đền... tiêu tốn một lượng tiền không nhỏ thậm chí đến cả hàng chục triệu đồng. Việc sử dụng như vậy là rất lãng phí, với số tiền đó có thể giúp ích rất lớn cho việc sửa sang diện mạo làng quê cũng như việc trùng tu các di tích lịch sử của địa phương. Để có thể hài hòa các hoạt động phù hợp với tín ngưỡng thờ cúng

ngàn đời của dân tộc ta cần có một cách nhìn đúng, một cách làm đúng tránh hiện tượng lãng phí trong các lễ hội truyền thống của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

3.3.3. Những biến đổi về Văn hóa làng

Lễ hội là một công cụ văn hóa đa chức năng nhằm để giới thiệu những cái hay cái đẹp của về chính con người và mảnh đất nơi diễn ra lễ hội. Làm cho đời sống văn hóa của người dân phong phú hơn khi được hòa mình vào các hoạt động của lễ hội. Hoạt động của hội làng cũng ảnh hưởng không nhỏ đến lĩnh vực văn hóa làng xã. Đến với hội con người ta không những được hòa mình vào các trò chơi, trò diễn dân gian mà điều quan trọng hơn là người ta được sống trong không khí vui tươi và lịch sự của những lối ứng xử văn hóa. Thế nhưng ngay trong những ngày hội ấy những hiện tượng cãi vã buông những lời dung tục, chen chúc thậm chí còn ẩu đả đánh nhau vẫn còn xảy ra khá phổ biến. Hơn thế nữa hoạt động biểu diễn các loại hình văn hóa nghệ thuật, các trò chơi dân gian còn mang tính thương mại khá lớn như hiện tượng ngã nón xin tiền của các liền anh liền chị. Điều đó cũng làm giảm đáng kể những giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống trong không gian văn hóa làng quê hiện nay.

3.3.4. Quản lý và sử dụng tiền công đức

Trong những ngày hội làng đã thu hút một số lượng người khá lớn lên đến hàng nghìn người tham dự. Ngoài việc tham gia đám rước, các trò chơi dân gian trong lễ hội thì không chỉ những người dân và du khách có lòng hảo tâm công đức vào việc trùng tu tôn tạo cảnh quan của các di tích. Có người công đức viên gạch, giọt giàu, cũng có người cung tiền đôi lộc bình, bức đại tự... tất cả với mong ước được thần linh chứng giám phù trợ cho một cuộc sống an lành. Mặt khác họ cũng muốn góp một phần nhỏ bé của mình vào

việc tu sửa các di tích đã xuống cấp, xây dựng cảnh quan khuôn viên của các di tích lễ hội. Chính vì thế vấn đề đặt ra ở đây là việc quản lý sử dụng tiền công đức sao cho đúng mục đích là rất quan trọng. Nhiều địa phương người ta không ngần ngại đem tiền công đức để tổ chức làm cỗ linh đình, hay thuê phòng rạp, loa đài hoành tráng phục vụ cho lễ hội, gây nên những lãng phí không cần thiết.

3.3.5. Những biến đổi của đời sống tín ngưỡng tâm linh

Cùng với những biến đổi về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục thì tín ngưỡng tâm linh trong các lễ hội năm nay cũng có nhiều thay đổi to lớn. Hiện nay một điều mà chúng ta thấy rất rõ là những người đi lễ chùa không chỉ là những người già, người lớn tuổi và phụ nữ mà còn có cả giới trẻ, học sinh, sinh viên và đặc biệt còn có tầng lớp doanh nhân, người buôn bán.... Tất cả những nhu cầu thỏa mãn đời sống tâm linh trong điều kiện cuộc sống đầy âu lo và biến động như ngày nay là hoàn toàn có thật. Những sự phát triển có tính chất bùng nổ và chắc chắn không tránh khỏi sự lợi dụng của kinh tế thị trường và các động cơ tâm lý phức tạp khác khiến cho vấn đề này trở nên nổi cộm hiện nay. Trong mặt trái của kinh tế thị trường các hoạt động của phong tục bị phát triển theo hướng vụ lợi cá nhân, dần xa rời tính thiêng của tính ngưỡng phong tục vốn có của lễ hội. Và trong những điều kiện mới của sự phát triển kinh tế xã hội, nhiều cách sống, lối ứng xử tiêu cực đang lan tràn phá hủy những cái gọi là thuần phong mỹ tục của dân tộc ta.

3.3.6. Biến đổi cảnh quan môi trường của lễ hội

Theo chân đoàn rước đi từ chùa ra đình, qua các ngõ xóm của làng mới thấy được hết sự thay đổi về cảnh quan nội thôn xóm trong ngày hội làng. Đó là sự tươi mới, một diện mạo mới của một ngôi làng, làng khang trang hơn, rực rỡ màu sắc hơn, với cờ hoa khắp các xóm ngõ. Bên cạnh đó là một số

những biến đổi về cảnh quan và một trong những vấn đề mà chúng ta không khỏi không nhắc đến đó là vấn đề môi trường. Đây là vấn đề mang tính thời sự, rất cần được quan tâm hiện nay. Rác được vứt ở khắp mọi nơi từ lòng hồ nơi diễn ra các canh hát Quan họ, đến các sỏi vật... người ta ngang nhiên xả rác bất chấp những lưu ý của ban tổ chức, ý thức bảo vệ môi trường còn chưa cao ở một bộ phận người dân, bất chấp các biển báo giữ vệ sinh chung cho lễ hội của ban tổ chức.

Hệ thống các khu nhà vệ sinh di động phục vụ các điểm diễn ra lễ hội còn chưa đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của những người dự hội. Những năm qua công tác vệ sinh đã ghi nhận nhiều sự cố gắng từ phía địa phương, nhưng do tâm lý tùy tiện và ý thức chưa cao của một bộ phận người tham dự hội đã làm thay đổi cảnh quan lễ hội. Điều này tác động không nhỏ đến tâm lý của du khách, nhất là những khách du lịch đến tham dự và khám phá các giá trị văn hóa của hội làng.

Như vậy có thể nói trong bối cảnh của làng quê hiện nay nơi mà thực hành các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng diễn ra vẫn còn có rất nhiều vấn đề còn tồn tại cần khắc phục mà ở đó vấn đề bảo vệ cảnh quan môi trường cũng là điều đáng được quan tâm. Đó cũng chính là những vấn đề khá phổ biến trong các lễ hội truyền thống ở các làng quê hiện nay. Để hoạt động lễ hội diễn ra trang trọng hơn, phù hợp hơn, sâu sắc hơn và ý nghĩa hơn đòi hỏi cần có các nhóm giải pháp nhằm phát huy các giá trị của lễ hội trong đời sống của người dân hiện nay.

3.4. Một số giải pháp cho sự phát triển của lễ hội Vọng Nguyệt hiện nay.

3.4.1. Đa dạng nội dung trong công tác tổ chức lễ hội

Có thể nói việc chuẩn bị nội dung của lễ hội là một công đoạn hết sức quan trọng trong công tác tổ chức và điều hành lễ hội hiện nay, việc đa dạng

nội dung có ý nghĩa to lớn tạo nên sức hấp dẫn của hội làng. Đòi hỏi ban tổ chức lễ hội phải mạnh dạn có kế hoạch đan xen các yếu tố văn hóa hiện đại kết hợp các yếu tố văn hóa truyền thống. Đây là vấn đề cần được và nghiên cứu kỹ lưỡng và có các bước thử nghiệm để định hình các nghi lễ và các hoạt động hội, đặc biệt là các loại hình lễ hội mới. Chính quyền địa phương các cấp quản lý chặt chẽ việc quy hoạch sắp xếp các dịch vụ, các hoạt động vui chơi giải trí hợp lý, tạo điều kiện để nhân dân địa phương có thêm thu nhập nhưng vẫn bảo đảm tính văn hóa trong các hoạt động này, không để nảy sinh các hiện tượng tiêu cực, đánh mất bản sắc văn hóa và mục đích tốt đẹp của lễ hội. Bên cạnh đó cũng cần phải chú trọng đến việc khai thác nguồn lực từ các tổ chức cá nhân, đóng góp cho việc giữ gìn di sản văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể liên quan đến lễ hội đến việc tổ chức lễ hội tại địa phương.

3.4.2. Chú trọng bảo tồn các giá trị của lễ hội truyền thống

Chú trọng bảo tồn, giữ gìn, phát huy giá trị truyền thống và làm phong phú hơn các giá trị mới trong lễ hội là một vấn đề có ý nghĩa lâu dài. Khuyến khích những sáng tạo mới trên nền truyền thống để luôn luôn có cái mới gắn với nhịp sống văn hóa của thời đại, từ hiện đại làm vững bền hơn truyền thống, làm cho lễ hội thêm sức sống mới, phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Cùng với những cái mới cái lạ của của quá trình giao lưu toàn cầu hóa, khi các yếu tố bản địa đang bị lấn át, bị mai một nếu không nói là có nguy cơ đồng hóa văn hóa thì việc gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống thật sự trở nên cấp thiết. Chúng ta đang phải đối mặt trước những nguy cơ bị đồng phục văn hóa từ nhiều quốc gia, nhiều nền văn hóa trên thế giới. Nơi làng quê nhỏ bé ấy với cây đa bến nước, sân đình, với những hội hè đình đám đã lưu giữ được biết bao tinh hoa văn hóa của dân tộc từ ngàn năm nay mà hội làng là một điển hình. Những giá trị văn hóa của lễ hội truyền thống đã góp phần tạo dựng, lưu giữ bản sắc văn hóa Việt Nam hiện nay. Chính vì vậy mà việc

chú trọng bảo tồn các giá trị của lễ hội truyền thống chính là bảo đảm tốt cho môi trường sống của văn hóa Việt Nam.

3.4.3. Tích cực tuyên truyền và phổ biến các quy định của lễ hội

Không ít các lễ hội diễn ra mà du khách thậm chí cả người dân địa phương còn chưa nắm rõ các quy định của các hoạt động tổ chức lễ hội. Có thể nói tuyên truyền phổ biến các quy định trong công tác chuẩn bị lễ hội góp phần quan trọng tạo nên thành công chung của lễ hội, giúp giảm thiểu những sai sót trong ngày hội làng. Hoạt động quảng bá giới thiệu về lịch sử văn hóa, nguồn gốc của lễ hội cũng như nội dung chương trình của lễ hội giúp cho người dân và du khách có được cái nhìn tổng thể hơn về lễ hội. Vì vậy cần tạo sự chuyển biến nhận thức của các ban, ngành, đoàn thể các cấp, về nội dung và ý nghĩa hoạt động lễ hội. Đẩy mạnh tuyên truyền các giá trị lịch sử văn hóa cũng như những quy định của pháp luật có liên quan, kịp thời chỉ đạo và uốn nắn các biểu hiện lệch lạc, làm cho việc tổ chức lễ hội ngày càng văn minh, thực sự trở thành ngày hội văn hóa của nhân dân, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

3.4.4. Tăng cường nguồn lực và cơ sở vật chất cho trùng tu, tôn tạo các di tích lễ hội kịp thời

Việc quản lý, trùng tu tôn tạo nhằm bảo đảm cảnh quan của lễ hội là một vấn đề mang tính cấp thiết. Đòi hỏi cần phải có sự thận trọng nhằm đảm bảo cảnh quan của các di tích. Chúng ta không còn quá bất ngờ khi biết ở một số địa phương người ta sẵn sàng đập cũ và xây mới toàn bộ một số công trình trong các di tích. Điều đó đã vô tình làm mất đi giá trị của di tích đó mà vĩnh viễn chúng ta không thể lấy lại được. Công tác bảo tồn và tôn tạo hệ thống các di tích đòi hỏi các cấp chính quyền cần có những kế hoạch tu bổ khoa học

các công trình trong các di tích đang bị xuống cấp. Đảm bảo các di tích đó không bị mất đi các giá trị về văn hóa, lịch sử vốn có.

Bên cạnh đó cần làm tốt công tác xã hội hóa trong việc bảo vệ và tu bổ các di tích. Hàng năm cũng cần có các chương trình sơ kết, tổng kết đánh giá biểu dương kịp thời các tập thể, dòng họ, gia đình hay cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ tu bổ các di tích lễ hội. Đồng thời cũng chỉ ra các hạn chế yếu kém và có kế hoạch khắc phục.

Ngoài nguồn kinh phí của địa phương và do khách thập phương công đức cần đề xuất với các cấp chính quyền tăng cường hỗ trợ kinh phí cho việc bảo tồn và tôn tạo hệ thống di tích lễ hội của địa phương. Bên cạnh đó kêu gọi các nguồn lực từ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, và đông đảo người dân địa phương.

3.4.5. Tăng cường quản lý dịch vụ, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự

Để lễ hội diễn ra trong một không gian thoáng đãng, đẹp đẽ và an ninh trật tự đòi hỏi ban tổ chức phải có một phương án chuẩn bị chu đáo, từ cảnh quan và địa điểm đón tiếp du khách dự hội. Nâng cao chất lượng các công trình vệ sinh công cộng phục vụ lễ hội. Cần có các nhà vệ sinh di động phục vụ những nơi đông người tại các khu vực diễn ra các hoạt động của lễ hội. Công tác giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm bày bán phục vụ khách thập phương dự hội cũng giữ vai trò quan trọng. Bởi lẽ những du khách dự hội ngoài mục đích tham gia dự hội để thỏa mãn giá trị tâm linh thì họ còn có mục đích được thỏa mãn các nhu cầu vui chơi giải trí và các nhu cầu sinh hoạt khác vì thế cần có một hệ thống dịch vụ tốt đảm bảo an toàn vệ sinh.

Ban tổ chức cũng cần có những biện pháp nhằm hạn chế tình trạng chặt chém trong lễ hội hiện nay, song song với việc loại bỏ các hình thức cờ bạc diễn ra trong lễ hội. Đảm bảo các hoạt động của lễ hội diễn ra trật tự và an

toàn đòi hỏi có sự hỗ trợ từ các lực lượng an ninh của xã, huyện, bởi chỉ với các lực lượng dân phòng của địa phương thì quá mỏng và yếu, không đủ sức kiểm soát hay mỗi khi có những xung đột, hay tình trạng trộm cắp móc túi diễn ra trong lễ hội. Đảm bảo lễ hội là điểm đến an toàn với du khách thập phương.

3.4.6. Phát triển du lịch văn hóa gắn với các hoạt động của lễ hội

Trong các hoạt động của nền kinh tế thì du lịch đã và đang trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn và được coi là ngành công nghiệp không khói mang lại giá trị cao cho nền kinh tế. Hoạt động du lịch văn hóa ở Bắc Ninh trong những năm qua vẫn còn chưa tương xứng với tiềm năng của vùng. Vì vậy việc phát triển du lịch văn hóa có một ý nghĩa rất lớn đối với Vọng Nguyệt hiện nay. Cần xây dựng các chương trình tour du lịch gắn với các di tích lịch sử văn hóa và làng nghề truyền thống của địa phương.

Trên đây là một số nhóm giải pháp nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong giai đoạn hiện nay. Để lễ hội thật sự trở thành một sinh hoạt văn hóa cộng đồng đặc sắc và ý nghĩa thiết nghĩ mỗi ban ngành đoàn thể và nhân dân địa phương cần có một nhận thức đúng đắn về những giá trị của hội làng mang lại với người dân Vọng Nguyệt hiện nay.

Tiểu kết chương 3

Là một lễ hội lớn có ảnh hưởng nhất định trong đời sống của cộng đồng người dân xã Tam Giang, lễ hội làng Vọng Nguyệt đã trở thành một nhu cầu không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa của người dân nơi đây. Cùng với sự phát triển của kinh tế xã hội địa phương hiện nay khi mà yếu tố kinh tế thị trường, công nghiệp hóa toàn cầu hóa đã làm biến đổi không nhỏ các giá trị văn hóa truyền thống thì việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa của lễ hội dân gian lại có một ý nghĩa vô cùng to lớn trong xây dựng đời sống văn hóa ở nông thôn hiện nay.

KẾT LUẬN

Làng Vọng Nguyệt là một trong những làng cổ của người Việt lưu giữ nhiều giá trị văn hóa truyền thống. Cùng với những thay đổi về đời sống kinh tế xã hội, người dân Vọng Nguyệt vẫn luôn luôn lưu giữ và tạo ra cho mình một khoảng trống cho đời sống tâm linh đó là sinh hoạt của lễ hội làng.

Lễ hội làng Vọng Nguyệt có một vị thế và vai trò rất to lớn trong đời sống người dân Vọng Nguyệt nói riêng và người dân Bắc Ninh nói chung. Lễ hội đã biểu dương sức mạnh và giá trị văn hóa của cộng đồng, thu hút rất đông đảo người dân tham gia vào quá trình sáng tạo và thụ hưởng các giá trị văn hóa.

Quá trình đô thị hóa ngày càng tác động mạnh mẽ đến đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của nước ta. Bắc Ninh là một tỉnh phát triển mạnh mẽ về công nghiệp nhưng trong những năm gần đây vì thế sự thay đổi của không gian văn hóa của di tích lễ hội làng Vọng Nguyệt là một điều chúng ta rất dễ nhận thấy. Lễ hội làng Vọng Nguyệt ngày nay chính là sự tiếp thu các giá trị văn hóa truyền thống và cải biến phù hợp với cuộc sống đương đại, nhằm đưa lễ hội trở lại với đời sống tâm linh của người dân một cách chân thực và ý nghĩa nhất. Thông qua việc phục dựng và cách thức tổ chức lễ hội, đã chỉ ra một số vấn đề đã và đang tồn tại ở lễ hội Vọng Nguyệt hiện nay, từ đó đưa ra các kiến giải giúp chính quyền địa phương có những giải pháp hữu hiệu trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, góp phần làm phong phú thêm vốn di sản văn hóa của dân tộc.

Việc thu thập tài liệu và điền dã tại địa phương để phục vụ việc viết luận văn, do trình độ hiểu biết còn hạn chế. Bên cạnh đó điều kiện vật chất và thời gian chưa cho phép chúng tôi nghiên cứu kỹ lưỡng hơn. Trong giới hạn cho phép của luận văn chúng tôi mới chỉ bước đầu miêu tả phân tích những giá trị

văn hóa của lễ hội làng Vọng Nguyệt trong đời sống cộng đồng và mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm phát huy các giá trị văn hóa truyền thống góp phần vào việc xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hy vọng công trình này sẽ là bước khởi đầu, gợi ý cho các công trình nghiên cứu tiếp theo của tôi sau này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1948), Văn hóa là gì, Nxb Tân Việt, Hà Nội.
2. Đào Duy Anh (2002), Việt Nam văn hóa sử cương, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
3. Toan Ánh (1992), Tín ngưỡng Việt Nam, Quyển thượng, Nxb Tp. Hồ Chí Minh.
4. Toan Ánh (1992), Nếp cũ- Hội hè đình đám, Quyển thượng, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Toan Ánh (1997), Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua lễ tết hội hè, Nxb Đồng Tháp.
6. Nguyễn Chí Bền (2002), Lễ hội dân gian và du lịch Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
7. Nguyễn Chí Bền (trưởng ban tuyển chọn) (2002), Kho tàng lễ hội cổ truyền Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc và Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
8. Trần Lâm Biền (2003), Đồ thờ trong di tích của người Việt, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Phương Châm (2009), Biến đổi văn hóa ở các làng quê hiện nay, Nxb Văn hóa thông tin, Viện văn hóa, Hà Nội.
10. Lý Khắc Cung (2001), Hội làng và dáng nét Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
11. Đại Nam nhất thống trí (1985), Tập 3, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
12. Đại Việt sử ký toàn thư (2003), Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
13. ĐCSVN: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, Nxb chính trị quốc gia, Hà Nội 2006.
14. Cao Huy Đình (1969), Người anh hùng làng Dóng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

15. Giáo trình: Lý luận văn hóa và đường lối văn hóa của Đảng cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
16. Nguyễn Duy Hinh (1996), Tín ngưỡng thành hoàng Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Lê Như Hoa (2001, chủ biên), Tín ngưỡng dân gian Việt Nam, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
18. Hồ Hoàng Hoa (1998), Lễ hội một nét đẹp trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Nguyễn Văn Huyền (2003), Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
20. Nguyễn Văn Huyền (2000), Văn minh Việt Nam, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
21. Phan Khanh (1992), Bảo tàng di tích lễ hội, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
22. Đinh Gia Khánh (1989), Trên đường tìm hiểu văn hóa dân gian, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
23. Vũ Ngọc Khánh (1994), Tín ngưỡng làng xã, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
24. Phan Kế Bính (1990), Việt Nam phong tục, Nxb Tổng hợp, Đồng Tháp.
25. Nguyễn Xuân Kính (2008), Phác thảo lịch sử lễ hội người Việt ở Bắc Bộ, Tạp chí văn hóa dân gian (số 4) tr 38- 45.
26. Nguyễn Xuân Kính (2015, chủ biên), Lịch sử văn hóa Việt Nam giáo trình sau đại học.
27. Lê Văn Kỳ (2002), Lễ hội nông nghiệp Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
28. Thu Linh, Đặng Văn Lung (1984), Lễ hội truyền thống các dân tộc Việt Nam, Nxb Văn hóa, Hà Nội.

29. Lê Hồng Lý (chủ biên), Vũ Quang Dũng (1999), Thư mục văn hóa dân gian, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
30. Lê Hồng Lý (2008), sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng, Nxb Văn hóa thông tin và Viện văn hóa, Hà Nội.
31. Phan Ngọc (1998), Bản sắc văn hóa Việt Nam, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
32. Nhiều tác giả, Hà Bắc ngàn năm Văn Hiến (3 tập, 1973-1976), Ty Văn hóa Hà Bắc xuất bản, Hà Nội.
33. Nguyễn Hồng Phong (1959), Xã thôn Việt Nam, Nxb Sử Địa, Hà Nội.
34. Lê Xuân Quang (1996), Thờ thần ở Việt Nam, Tập 1, NXb Hải Phòng, Hải Phòng.
35. Sở Văn hóa –Thông tin Hà Bắc (1991), Một số vấn đề về Làng Văn hóa mới ở Hà Bắc, Bắc Ninh.
36. Sở văn hóa thể thao và, du lịch Bắc Ninh, Về miền Quan họ (ngày 31/3/2010).
37. Trương Thìn (chủ biên) (1990), Hội hè Việt Nam, Nxb Văn hóa dân tộc Hà Nội.
38. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2001) Tín ngưỡng và văn hóa Tín ngưỡng ở Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
39. Ngô Đức Thịnh (2007), Về tín ngưỡng và lễ hội cổ truyền, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
40. Trang Văn hóa thông tin- Thư viện tỉnh (1982), Địa chí Hà Bắc, Thư viện tỉnh xuất bản, Hà Bắc.
41. Truyền thống vùng đất văn hóa (2000), Con người Yên Phong, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
42. Lê Thị Nhâm Tuyết (1976), Hội làng với tư cách là sinh hoạt công xã trong Nông thôn Việt Nam trong lịch sử, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

43. Lê Thị Nhâm Tuyết (1997), Hội làng Trung du, Tạp chí dân tộc học, số 3.
44. Lê Trung Vũ (1992), Lễ hội cổ truyền, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
45. Lê Trung Vũ, Thạch Phương (1995), 60 lễ hội truyền thống Việt Nam, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. Lê Trung Vũ, Nguyễn Hồng Dương (1997), Lịch lễ hội, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
47. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý đồng chủ biên (2005), Lễ hội Việt Nam, Nxb Văn hóa –Thông tin, Hà Nội.
48. Lê Trung Vũ, Lê Hồng Lý, Nguyễn Thị Phương Châm (2014) Lễ hội dân gian, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Trần Quốc Vượng(1996), Theo dòng lịch sử, Nxb Văn hóa, Hà Nội.
50. Trần Quốc Vượng (1998), Việt Nam cái nhìn địa Văn hóa, Nxb Văn hóa dân tộc- Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Hà Nội.
51. Trần Quốc Vượng (1996), Lễ hội –một cái nhìn tổng thể, Tạp chí văn hóa dân gian số 1.

Phụ lục:

Lễ hội làng Vọng Nguyệt được tổ chức trong ba ngày 25, 26, 27 tháng 2 âm lịch hàng năm, tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Lễ hội tổ chức nhiều hoạt động mang tính chất truyền thống và hiện đại tưởng nhớ các bậc tiền nhân có công lập làng.

Vọng Nguyệt xưa có tên gọi là làng Thứ Nhị hay còn gọi là làng Ngọt Nhì. Vào thời Nguyễn thuộc tổng Nội Trà, huyện Yên Phong, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Làng nằm ở bên bờ Nam sông Cầu là vùng quê có phong cảnh thơ mộng trữ tình với một quần thể di tích đình, đền, chùa đẹp nổi tiếng đất Kinh Bắc xưa. Từ bao đời nay nơi đây vẫn có nghề trồng dâu nuôi tằm gắn bó với cuộc sống và tình yêu lao động của mỗi một người dân.

Vọng Nguyệt không những nổi tiếng trong dân gian là vùng đất khoa bảng tiêu biểu của huyện Yên Phong với 8 vị đỗ đại khoa và nhiều vị đỗ cử nhân tú tài vào thời phong kiến mà còn là một vùng quê giàu truyền thống cách mạng kiên cường đấu tranh chống giặc ngoại xâm.

Vọng Nguyệt còn là một trong những làng Việt cổ với những di sản văn hoá vật thể, đánh dấu những mốc son thăng trầm của một cộng đồng làng xã trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc. Chùa Vọng Nguyệt (tên chữ là Khai Nghiêm tự) do Nguyệt Sinh công chúa nhà Lý dựng. Đến thời Lê và Nguyễn chùa Khai Nghiêm được tu sửa lớn, dựng thạch trụ thiên đài vào năm Vĩnh Thịnh nguyên niên (1705), đúc chuông đồng lớn vào năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799) và tạc nhiều pho tượng Phật. Đời Dụ Tông (1341-1369) Hàn lâm học sỹ Trương Hán Siêu soạn văn bia, khắc trên đá.

Lễ hội Vọng Nguyệt diễn ra trong vòng 3 ngày với đầy đủ các nghi lễ: Trong ngày hội, có rất nhiều tốp được phân chia nhiệm vụ để rước lễ vật. Gồm một

nhóm các em thiếu niên nữ và nam, các cụ ông, cụ bà, thanh niên nam nữ riêng mỗi tốp sẽ có một nhiệm vụ rước từng lễ vật khác nhau như, ngựa ông, ngựa bà, lợn, kiệu...Đoàn rước đi từ đình làng ra chùa và đi qua các ngõ lớn trong làng.

Đi dẫn đầu đoàn rước là một nhóm múa lân gõ chiêng trống inh ỏi và góp lộc của các hộ dân hai bên đường của đoàn rước ban phát, biểu thị sự no ấm đầy đủ, đi sau là người mặc bộ áo dài đỏ (người có chức sắc trong làng thời xưa) dẫn đầu cho đoàn rước.

Từng đoàn rước nối đuôi nhau đi trong tiếng kèn trống chiêng rộn rã cộng với nhóm múa lân vui nhộn trên đường, rất đông những người già người trẻ đứng ra hai bên đường để ban lộc cho đoàn rước và xem lễ hội

Tất cả các đoàn rước được đi về ngôi chùa cổ của làng để tập trung và lễ hội chính sẽ được tổ chức ở đây, các nghi thức trang trọng và các màn ca múa dân gian được tái hiện lại như các lễ hội thời xưa.

Từng đoàn rước được quy tụ vào sân chùa để tiến hành nghi lễ trang trọng cúng hoàng làng. Có rất đông du khách thập phương và bà con cùng tham gia lễ hội. Vừa ôn lại nét văn hóa dân gian vừa có dịp vui chơi trong ngày hội và gìn giữ những nét văn hóa ấy cho thế hệ mai sau.

Trên một khúc sông nhỏ các liền anh liền chị hát quan họ tình tứ, người Bắc Ninh có một giọng hát bẩm sinh, không chỉ những liền anh liền chị chuyên nghiệp mới có thể hát hay mà hầu hết trong lễ hội đều có sự góp mặt của các giọng hát vẫn luôn chân lấm tay bùn với nghề nông.

Bên cạnh đó, lễ hội còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian và hoạt động văn nghệ thể thao như: chọi gà, bóng chuyền, bóng đá, văn công...Ngoài các trò chơi dân gian được tổ chức một cách quy mô như lễ hội vật, vật vốn là một

trong những trò chơi dân gian chính trong các lễ hội, về với hội làng có nhiều đồ vật ở các tỉnh có truyền thống vật như Hà Tây diễn ra sôi nổi thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia thi đấu và cổ vũ.

Lễ hội luôn để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng mỗi người dân Vọng Nguyệt và du khách thập phương. Bên cạnh sự đổi mới về kinh tế xã hội, thì những nét đẹp về mặt thuần phong mỹ tục của làng Vọng Nguyệt vẫn luôn được gìn giữ và bảo tồn xứng danh một vùng quê văn hiến xứ Bắc

Một số hình ảnh về Vọng Nguyệt





Cổng làng Vọng Nguyệt 2016(Ảnh Tác giả)



Đình làng Vọng Nguyệt 2016



Đám rước hội làng 2016





